

Số: 3806 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt “Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số
thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội tại Tờ trình số 5337/TTr-SKHCN ngày 18 tháng 7 năm 2026 về việc phê duyệt “Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030” với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển kinh tế số và xã hội số là nhiệm vụ trọng tâm, vừa là động lực tăng trưởng mới, vừa là nền tảng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, góp phần quyết định thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và tăng trưởng GRDP hai con số của Thủ đô trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Phát triển kinh tế số Hà Nội là quá trình sử dụng dữ liệu, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo và công nghệ số để tối ưu nguồn lực xã hội, giảm chi phí giao dịch, giảm lãng phí, nâng cao năng suất, đồng thời hình thành các ngành, sản phẩm, dịch vụ số có giá trị gia tăng cao. Phát triển xã hội số Hà Nội là quá trình để người dân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã, người lao động và cộng đồng dân cư có kỹ năng, công cụ, niềm tin và khả năng tiếp cận dịch vụ số để tham gia, sử dụng, thụ hưởng thành quả của kinh tế số và được bảo vệ tốt hơn trên môi trường số.

3. Phát triển kinh tế số và xã hội số phải được triển khai đồng bộ với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đô thị thông minh; đồng thời phát triển kinh tế số gắn với mô hình hợp tác ba bên (Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp), trong đó Nhà nước đóng vai trò dẫn dắt và kiến tạo, Nhà trường là trung tâm đào tạo và R&D, Doanh nghiệp là lực lượng tiên phong thực thi và sáng tạo.

4. Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng toàn diện, bao trùm, có trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm phát triển hài hòa giữa kinh tế số ICT, kinh tế số nền tảng, kinh tế số ngành với công dân số, cộng đồng số, dịch vụ xã hội số và các điều kiện để mọi người dân được tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng thành quả của chuyển đổi số.

5. Gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế số, xã hội số với Đề án Đô thị Hà Nội thông minh, lấy việc giải quyết các bài toán lớn và điểm nghẽn của Thành phố làm động lực tạo lập thị trường công nghệ số đột phá.

6. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm của phát triển kinh tế số, lấy người dân làm chủ thể của xã hội số, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo phát triển; tập trung hoàn thiện thể chế, tạo lập hạ tầng, mở không gian dữ liệu, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số và phát triển các nền tảng số, dịch vụ số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

7. Phát triển kinh tế số và xã hội số phải bảo đảm nhanh, bền vững, an toàn và nhân văn; gắn với nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị, thu hẹp khoảng cách số, phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn, an ninh mạng và tăng cường hội nhập vào chuỗi giá trị số quốc gia, trong khu vực, quốc tế.

II. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế số đến năm 2030

(1) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 40%.

(2) Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt 57%.

(3) Tỷ lệ Make in Viet Nam trong tổng doanh thu công nghiệp công nghệ số Việt Nam trên địa bàn Hà Nội đạt 50%.

(4) Phân đấu doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử đạt 70%.

(5) Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%.

(6) Hỗ trợ tối thiểu 120.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố.

(7) Phát triển, thúc đẩy và đưa vào sử dụng tối thiểu 01 sản dữ liệu hoặc nền tảng giao dịch, chia sẻ, khai thác dữ liệu của Thành phố.

(8) Tỷ trọng kinh tế dữ liệu chiếm tối thiểu 10% trong kinh tế số.

2. Phát triển xã hội số đến năm 2030

(1) Phủ sóng mạng băng rộng di động 5G cho người dân đạt 100%.

(2) Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.

(3) Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 99%.

(4) Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt 95%.

(5) Tỷ lệ người dân có Hồ sơ sức khỏe điện tử/Sổ sức khỏe điện tử đạt 95%.

(6) 100% công dân Việt Nam từ 14 tuổi trở lên có căn cước, tài khoản định danh điện tử.

(7) 100% xã, phường có điểm hỗ trợ số/Trạm Công dân số.

(Chi tiết các chỉ tiêu tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Các nhiệm vụ được triển khai theo hướng ưu tiên nội dung tạo giá trị mới, giảm chi phí, tối ưu nguồn lực, có sản phẩm đầu ra và chỉ tiêu đo lường rõ ràng; không liệt kê dàn trải.

III.1. Phát triển Kinh tế số

1. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và mô hình quản trị

- Rà soát, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, kế hoạch, quy chế phát triển kinh tế số của Thành phố trên cơ sở Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, các quy định của Trung ương về cơ chế đặc thù đối với Hà Nội; tạo môi trường thuận lợi cho phát triển thị trường dữ liệu số, công nghệ số, thử nghiệm có kiểm soát và hình thành các mô hình kinh doanh mới.

- Rà soát, hoàn thiện và ban hành các quy định, quy chế về chia sẻ và mở dữ liệu có kiểm soát; phân loại dữ liệu, quy định trách nhiệm của cơ quan chủ quản, cơ chế cung cấp API phục vụ khai thác hợp pháp, bảo đảm cơ chế bảo vệ cán bộ thực hiện đúng quy định và công bố danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở theo lộ trình.

- Tổ chức quản trị phát triển kinh tế số theo hướng điều hành dựa trên dữ liệu, đo lường theo kết quả đầu ra, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh tế số. Theo đó, ban hành và áp dụng thống nhất bộ chỉ tiêu, biểu mẫu, quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá phát triển kinh tế số trên toàn Thành phố.

2. Phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và hạ tầng tính toán

Triển khai Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 09/01/2026 của UBND Thành phố về phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030, trong đó tập trung:

- Phát triển hạ tầng số của Thành phố theo hướng đồng bộ, hiện đại, an toàn, có khả năng dự phòng cao và dùng chung hiệu quả; đẩy mạnh phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, 5G, IoT, mạng truyền dẫn, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán phục vụ dữ liệu lớn, mô phỏng, dự báo và trí tuệ nhân tạo (AIDC).

- Nâng cấp, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố (LGSP), kho dữ liệu dùng chung, hồ dữ liệu, nền tảng tổng hợp, phân tích và biểu diễn dữ liệu, nền tảng bản đồ số và hạ tầng dữ liệu không gian thống nhất, bảo đảm kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành và hỗ trợ khai thác linh hoạt cho các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung và các ứng dụng thông minh của Thành phố.

3. Phát triển dữ liệu số, kinh tế dữ liệu và trí tuệ nhân tạo phục vụ tăng trưởng kinh tế, ưu tiên giải quyết các điểm nghẽn và bài toán lớn của Thủ đô

Triển khai Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của UBND Thành phố phê duyệt Chiến lược dữ liệu thành phố Hà Nội đến năm 2030, trong đó tập trung:

- Hoàn thiện, chuẩn hóa, cập nhật, đồng bộ và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu của Thành phố, bao gồm dữ liệu hành chính, dữ liệu dân cư, dữ liệu doanh nghiệp, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu hiện trường và dữ liệu không gian; bảo đảm dữ liệu được quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác thuận tiện theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung, làm nền tảng cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh và phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của Thành phố.

- Xây dựng danh mục dữ liệu ưu tiên phục vụ phát triển kinh tế số; thúc đẩy phát triển dữ liệu mở, dữ liệu lớn, dữ liệu dùng chung, dữ liệu bản đồ và dữ liệu mẫu trong các lĩnh vực trọng điểm; đẩy mạnh mở dữ liệu, tích hợp, tái sử dụng và lưu thông dữ liệu để hỗ trợ đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu.

- Phát triển nền tảng dữ liệu, dịch vụ dữ liệu, mô hình phân tích dữ liệu và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ quản trị doanh nghiệp, tối ưu chuỗi cung ứng, dự báo thị trường, hỗ trợ ra quyết định, phát hiện rủi ro, nâng cao năng suất lao động và giải quyết các bài toán lớn của Thành phố; ưu tiên trong các lĩnh vực thương mại, du lịch, logistics, giao thông, môi trường, quy hoạch, dịch vụ đô thị, y tế, giáo dục và các lĩnh vực có khả năng tạo giá trị gia tăng cao.

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách phát triển thị trường dữ liệu; từng bước định hình mô hình giao dịch dữ liệu và thử nghiệm hình thành sàn giao dịch dữ liệu của Thành phố.

- Nghiên cứu, triển khai thử nghiệm có kiểm soát một số mô hình tài sản số phù hợp với Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, định hướng của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật; ưu tiên các lĩnh vực truy xuất nguồn gốc, tài sản trí tuệ, sản phẩm văn hóa số, dữ liệu số, sản phẩm OCOP, làng nghề và các mô hình ứng dụng blockchain, bản sao số; đồng thời phát huy vai trò của các nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp trong kết nối cung - cầu công nghệ, thúc đẩy thương mại hóa công nghệ số và khai thác giá trị kinh tế từ dữ liệu.

4. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp nền tảng và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với các công nghệ số chiến lược ưu tiên của Thành phố

- Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn Thành phố có năng lực nghiên cứu, phát triển, làm chủ, ứng dụng, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; ưu tiên phát triển doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược thuộc danh mục công nghệ chiến lược ưu tiên của Thành phố.

- Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số theo định hướng của Chính phủ; lựa chọn, hỗ trợ và đồng hành với các doanh nghiệp công nghệ số có tiềm năng trở thành doanh nghiệp dẫn dắt, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế.

- Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm, giải pháp, nền tảng Make in Viet Nam; nâng cao tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số do doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố làm chủ.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã, làng nghề chuyển đổi số thực chất

- Xây dựng và triển khai đồng bộ Kế hoạch chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm thống nhất với Chương trình chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa của Trung ương và Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Thành phố.

- Phát triển nền tảng số hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã, làng nghề chuyển đổi số toàn diện. Ưu tiên triển khai với phương án huy động nguồn lực xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp chủ động hợp tác, đồng hành với Thành phố. Trong đó tập trung các hoạt động chủ yếu sau:

- + Hướng dẫn đánh giá mức độ chuyển đổi số làm cơ sở xây dựng lộ trình chuyển đổi số phù hợp.

- + Hỗ trợ triển khai áp dụng các phần mềm, nền tảng số thiết yếu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã, làng nghề trong quản trị, bán hàng, kế toán, kết nối thuế, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, thanh toán số, thương mại điện tử, marketing số, logistics số, truy xuất nguồn gốc, quản lý kho, điều hành sản xuất và chăm sóc khách hàng.

+ Hỗ trợ tham gia các sàn thương mại điện tử trong nước và xuyên biên giới; mở rộng khai thác ứng dụng iHanoi, Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội, Chợ chuyển đổi số Hà Nội, Gian hàng số Thủ đô trên sàn thương mại điện tử và các nền tảng số khác để quảng bá, kết nối thị trường, tiêu thụ sản phẩm, kết nối cung - cầu công nghệ, tư vấn giải pháp công nghệ và hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh.

+ Tăng cường liên kết số với doanh nghiệp đầu chuỗi, doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nền tảng số, doanh nghiệp logistics và các chủ thể cùng ngành.

6. Phát triển kinh tế số theo ngành, lĩnh vực trọng điểm

Phát triển kinh tế số theo ngành, lĩnh vực trọng điểm theo hướng lựa chọn đúng lĩnh vực ưu tiên, triển khai có trọng tâm, có sản phẩm, có chỉ tiêu và có kết quả đo được; trước mắt tập trung vào các lĩnh vực có khả năng tạo tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đồng thời thúc đẩy hoạt động thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với một số mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới và sản phẩm, dịch vụ số mới trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm theo quy định của pháp luật.

6.1. Nông nghiệp và Môi trường

a) Nông nghiệp

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng nông nghiệp thông minh; gắn chuyển đổi số nông nghiệp với phát triển du lịch thông minh, hình thành kinh tế số nông nghiệp theo chuỗi giá trị. Thúc đẩy phát triển và ứng dụng có hiệu quả công nghệ số, nông nghiệp thông minh trong lĩnh vực nông nghiệp theo Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 12/3/2025 của UBND Thành phố về Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030.

- Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu số về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, mùa vụ, vùng nguyên liệu, dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc, chất lượng sản phẩm, thị trường tiêu thụ và dữ liệu chuỗi cung ứng; ứng dụng cảm biến, IoT, dữ liệu viễn thám, nhật ký điện tử, quản trị trang trại số, hợp tác xã số và kết nối nông sản với thương mại điện tử, logistics lạnh, hệ thống phân phối của Hà Nội.

b) Môi trường

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực môi trường theo hướng hình thành hệ thống dữ liệu môi trường đô thị đồng bộ, phục vụ giám sát, cảnh báo, dự báo, quản lý tài nguyên và phát triển các dịch vụ môi trường số; gắn với giải quyết các điểm nghẽn và bài toán lớn của Thủ đô về ô nhiễm môi trường.

- Tập trung hình thành hệ thống dữ liệu môi trường đô thị đồng bộ; tích hợp dữ liệu chất lượng không khí, nước, đất, chất thải, phát thải khí nhà kính, khí tượng thủy văn và các nguồn gây ô nhiễm; ứng dụng cảm biến, IoT, camera, bản đồ số, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong giám sát, cảnh báo sớm, điều hành, quản lý môi trường.

6.2. Du lịch và Văn hóa

Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực Du lịch và Văn hóa theo định hướng và lộ trình đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 16/3/2026 về “Đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn thành phố Hà Nội đến năm 2035”.

a) Du lịch

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực du lịch theo hướng du lịch thông minh; gắn chuyển đổi số, đổi mới công nghệ và dữ liệu với phát triển sản phẩm, dịch vụ, thị trường và thương hiệu du lịch của Thủ đô.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về điểm đến, di sản, lễ hội, làng nghề, cơ sở lưu trú, lữ hành, dịch vụ ăn uống, dịch vụ giải trí và hành vi du khách; phát triển nền tảng quản trị điểm đến, quảng bá số, đặt chỗ, thanh toán, đánh giá trải nghiệm,... trong đó ưu tiên đối với các loại hình du lịch di sản, du lịch làng nghề, du lịch ẩm thực, du lịch đêm, du lịch MICE¹ và sản phẩm du lịch gắn với Thành phố sáng tạo.

- Mở rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo, thực tế tăng cường, bản sao số và các công nghệ tương tác mới để phát triển tour số, trải nghiệm số, du lịch thông minh và cá thể hóa dịch vụ.

b) Văn hóa

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực văn hóa theo hướng hình thành hệ sinh thái công nghiệp văn hóa số mang đậm bản sắc Thăng Long - Hà Nội, gắn dữ liệu, công nghệ số và đổi mới sáng tạo với phát triển thị trường văn hóa, không gian sáng tạo và các ngành công nghiệp văn hóa có thế mạnh của Thủ đô.

- Rà soát, đẩy mạnh số hóa và khai thác hiệu quả dữ liệu di sản, bảo tàng, di tích, lễ hội, không gian văn hóa, làng nghề, phố nghề và các sản phẩm văn hóa đặc trưng của Hà Nội; ưu tiên phát triển bảo tàng số, di sản số, sản phẩm nội dung số, nền tảng quảng bá và phân phối sản phẩm văn hóa số, các hình thức trải nghiệm văn hóa ứng dụng công nghệ.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu và tài sản văn hóa số để phát triển sản phẩm công nghiệp văn hóa có giá trị gia tăng cao; đồng thời từng bước hình thành cơ chế hỗ trợ sáng tạo, phân phối, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và thương mại hóa sản phẩm nội dung văn hóa số trên các nền tảng số.

6.3. Thương mại, công nghiệp và năng lượng

a) Thương mại

Tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 05/3/2026 của UBND thành phố Hà Nội về phát triển thương mại điện tử của Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030, trong đó tập trung:

¹ Du lịch MICE là loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm và khen thưởng (Meetings, Incentives, Conferences, Exhibitions) dành cho doanh nghiệp.

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực thương mại theo hướng đẩy mạnh thương mại điện tử, kinh doanh đa kênh, thanh toán số, hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử và truy xuất nguồn gốc, đặc biệt tăng cường triển khai ứng dụng truy xuất nguồn gốc hàng hóa, nhất là đối với thực phẩm, nhằm nâng cao tính minh bạch, kiểm soát chất lượng và bảo đảm an toàn thực phẩm cho người dân; gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của Hà Nội trên môi trường số.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử, nhất là sàn thương mại điện tử xuyên biên giới, nền tảng số và Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, Chương trình “Gian hàng số - nâng tầm thương nhân Thủ đô”; kết nối thương mại số với quảng bá số, bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và chuỗi giá trị du lịch, văn hóa, dịch vụ của Thành phố; hình thành lực lượng nhân lực số trong thương mại điện tử, marketing số, vận hành gian hàng số, thanh toán số, thương mại điện tử xuyên biên giới và quản trị chuỗi cung ứng số.

b) Công nghiệp chế biến, chế tạo

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng sản xuất thông minh, xanh, bền vững và có giá trị gia tăng cao.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản trị, điều hành, sản xuất, kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc, kết nối chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường; ưu tiên các ngành, lĩnh vực có thế mạnh hoặc có vai trò quan trọng đối với cơ cấu kinh tế của Thủ đô như công nghiệp công nghệ số, điện tử, cơ khí, chế biến thực phẩm, công nghiệp sáng tạo, công nghiệp hỗ trợ và các cơ sở sản xuất tại làng nghề có khả năng chuyển đổi lên mô hình doanh nghiệp; mở rộng ứng dụng các hệ thống quản trị sản xuất, quản trị nguồn lực, mô phỏng, tự động hóa và phân tích dữ liệu trong doanh nghiệp.

c) Năng lượng

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực năng lượng theo hướng hiện đại hóa hạ tầng điện lực, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và sử dụng năng lượng, phục vụ yêu cầu của đô thị thông minh và phát triển bền vững của Thủ đô.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý lưới điện, đo đếm, giám sát tiêu thụ, điều hành vận hành, cảnh báo sự cố và tối ưu hóa phân phối điện; mở rộng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả tại khu dân cư, tòa nhà, cơ sở sản xuất, trung tâm thương mại, hệ thống chiếu sáng công cộng và các hạ tầng đô thị; hình thành các nền tảng quản lý năng lượng thông minh, tích hợp dữ liệu tiêu thụ, dữ liệu vận hành và dữ liệu môi trường.

6.4. Dịch vụ Logistics

Tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực Logistics theo Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 13/3/2026 về phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030, trong đó tập trung:

- Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực logistics theo hướng xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm logistics của vùng Đồng bằng sông Hồng, đồng thời là trung tâm E-logistics hàng đầu Việt Nam; gắn chuyên đổi số trong logistics với phát triển thương mại điện tử, logistics đô thị, logistics xanh và nâng cao năng lực kết nối chuỗi cung ứng của Thủ đô.

- Tập trung số hóa, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các trung tâm logistics, cảng cạn ICD (cụ thể: ICD Cổ Bi, ICD Đông Anh, ICD Đức Thượng), khu vực sân bay Nội Bài, kho bãi, kho lạnh, kho thông minh, vận tải, giao nhận, chợ đầu mối và hệ thống phân phối; đẩy mạnh ứng dụng IoT, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong quản trị kho vận, điều phối vận tải, truy xuất nguồn gốc, tối ưu chi phí và phát triển dịch vụ logistics thông minh, xanh, hiện đại.

6.5. Giáo dục, đào tạo và lao động, việc làm

a) Giáo dục phổ thông

- Hình thành hệ sinh thái giáo dục thông minh của Thủ đô, kết nối học sinh, giáo viên, nhà trường, phụ huynh và cơ quan quản lý trên nền tảng dữ liệu thống nhất.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành, kho dữ liệu lớn dùng chung, hệ thống điều hành và dashboard, mã định danh học tập cho học sinh, học bạ số, hồ sơ học tập số và tuyển sinh đầu cấp dựa trên dữ liệu dân cư, GIS và ứng dụng AI; phát triển nền tảng học tập số dùng chung, kho học liệu số, mô hình trường học số, lớp học thông minh, lớp học mở và lớp học hỗn hợp; đẩy mạnh giáo dục kỹ năng số, STEM/STEAM, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, vi điện tử và định hướng nghề nghiệp công nghệ cao ngay từ phổ thông.

b) Giáo dục đại học và đào tạo nghề

- Phát triển giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, thực hành, gắn với nhu cầu nhân lực của Thủ đô và các ngành công nghệ số chiến lược ưu tiên.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp, nền tảng đào tạo số, học liệu số, mô hình đào tạo kết hợp, mô phỏng và thực hành số; mở rộng các chương trình đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng ngắn hạn về bán dẫn, vi điện tử, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu, công nghệ số và các kỹ năng công nghệ cao; hình thành hệ sinh thái đào tạo - nghiên cứu - đổi mới sáng tạo - khởi nghiệp gắn với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội, Đại học Thủ đô và các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng khác trên địa bàn Thành phố.

c) Lao động và việc làm

- Phát triển nguồn nhân lực số và thị trường lao động thích ứng với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo và công nghiệp công nghệ cao.

- Nâng cao kỹ năng số, kỹ năng AI, kỹ năng đổi mới sáng tạo và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên, học viên giáo dục nghề nghiệp và người lao động; gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và thị trường lao động số; hình thành đội ngũ nhân lực phục vụ các lĩnh vực bán dẫn, vi điện tử, AI, dữ liệu, đổi mới sáng tạo và quản trị công nghệ.

6.6. Y tế

- Hình thành hệ sinh thái y tế số đồng bộ, liên thông, lấy người dân làm trung tâm; gắn chuyển đổi số với nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, phát triển dịch vụ y tế số, bệnh viện thông minh và quản trị y tế dựa trên dữ liệu.

- Phát triển bệnh viện thông minh tại các bệnh viện công lập và từng bước mở rộng ra ngoài công lập. Hoàn thiện, kết nối và khai thác hiệu quả hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử, dữ liệu bảo hiểm y tế, dữ liệu dân cư, dữ liệu an toàn thực phẩm và các nền tảng số dùng chung của ngành. Mở rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu và các công nghệ số trong chẩn đoán hình ảnh, hỗ trợ ra quyết định lâm sàng, phát hiện sớm bệnh, quản lý dịch tễ, chăm sóc sức khỏe học đường, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm; phát triển các dịch vụ y tế số có giá trị gia tăng trên nền tảng iHanoi và các nền tảng số khác của Thành phố.

6.7. Các ngành, lĩnh vực khác

Phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực khác theo hướng hình thành môi trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số; xác định dữ liệu lõi, nền tảng dùng chung, mục tiêu, chỉ tiêu và lộ trình thực hiện của từng ngành, lĩnh vực; gắn phát triển kinh tế số ngành với phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đổi mới công nghệ và giải quyết các bài toán thực tiễn của Thành phố.

7. Hình thành không gian tăng trưởng mới của kinh tế số

- Hình thành các không gian tăng trưởng mới của kinh tế số gắn với lợi thế và định hướng phát triển của Thủ đô như: khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu thương mại tự do, khu kinh tế tự do, kinh tế tầm thấp, không gian ngầm và các loại hình kinh tế mới dựa trên ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số, hạ tầng số và đổi mới sáng tạo. Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc trở thành hạt nhân nghiên cứu, thử nghiệm, ươm tạo, sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa công nghệ số mới; thúc đẩy hình thành Tổ hợp G-Campus Hòa Lạc - Trung tâm công nghệ cao và trung tâm dữ liệu đạt chuẩn Tier III chuyên phục vụ trí tuệ nhân tạo và tính toán hiệu năng cao; từng bước phát triển hệ sinh thái dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, vi điện tử và các công nghệ số chiến lược ưu tiên của Thành phố.

- Triển khai các mô hình thí điểm về khu sản xuất thông minh, trung tâm thử nghiệm công nghệ số và nền tảng hỗ trợ đổi mới sáng tạo phục vụ doanh nghiệp. Hình thành mạng lưới trung tâm, phòng thử nghiệm, cơ sở ươm tạo, trình diễn và kiểm chứng giải pháp công nghệ số tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, các trung tâm đổi mới sáng tạo, trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn Thành phố.

8. Mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế

- Tăng cường liên kết với các địa phương trong Vùng Thủ đô và các địa phương có quan hệ kinh tế chặt chẽ với Hà Nội trong kết nối hạ tầng số, chia sẻ dữ liệu, thương mại số, du lịch số, đào tạo nhân lực số và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, an ninh mạng, bán dẫn, vi điện tử, giáo dục số, y tế số, đô thị thông minh, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp văn hóa số và xuất khẩu số; thu hút doanh nghiệp, chuyên gia, viện nghiên cứu, tổ chức đổi mới sáng tạo và nhà đầu tư quốc tế tham gia phát triển hệ sinh thái kinh tế số của Thủ đô.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại về công nghiệp công nghệ số, kết nối thị trường quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số của Hà Nội tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và thị trường số quốc tế.

9. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, niềm tin số và giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số

- Xây dựng môi trường số an toàn, tin cậy là điều kiện nền tảng để phát triển kinh tế số bền vững; tập trung bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu doanh nghiệp, dữ liệu sản xuất kinh doanh, hệ thống thông tin, nền tảng số và các giao dịch điện tử.

- Xây dựng, triển khai các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, cảnh báo sớm và ứng phó với nguy cơ mất an toàn thông tin, sự cố an ninh mạng và tội phạm mạng; nhằm bảo vệ hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, giao dịch điện tử, thương mại điện tử, tài chính số và các dịch vụ số thiết yếu, góp phần tạo niềm tin cho doanh nghiệp, người dân khi tham gia môi trường số.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, cảnh báo và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân nhận diện, phòng tránh các rủi ro trên môi trường số như lừa đảo số, giả mạo, deepfake, xâm phạm dữ liệu, rò rỉ bí mật kinh doanh và các tác động tiêu cực mới do trí tuệ nhân tạo, nền tảng số và mô hình kinh doanh số gây ra.

- Thường xuyên đánh giá tác động của công nghệ số đối với việc làm, môi trường kinh doanh, quyền riêng tư, an toàn dữ liệu, thông tin thị trường và chất lượng sống; chủ động đề xuất giải pháp quản trị rủi ro, giảm thiểu tác động tiêu cực và bảo đảm phát triển kinh tế số nhanh, bền vững, an toàn và có trách nhiệm.

III.2. Phát triển Xã hội số

1. Phát triển công dân số và năng lực số của người dân

- Phát triển công dân số của Thủ đô theo Khung năng lực số cho công dân Hà Nội, hình thành năng lực số thiết yếu và nâng cao khả năng tham gia của người dân vào môi trường số; gắn với nhu cầu, giải quyết các tình huống thực tế trong học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh, tiếp cận dịch vụ công và sử dụng các tiện ích số trong đời sống hằng ngày.

- Xây dựng và triển khai chương trình bồi dưỡng kỹ năng số theo nhóm đối tượng, độ tuổi, điều kiện tiếp cận và nhu cầu sử dụng thực tế; ưu tiên kỹ năng sử dụng, khai thác các nền tảng số dùng chung của Thành phố.

- Tổ chức đo lường, đánh giá định kỳ mức độ phổ cập kỹ năng số của người dân và mức độ sử dụng thực tế các dịch vụ số thiết yếu; gắn kết quả đánh giá với trách nhiệm triển khai của cơ quan, đơn vị và chính quyền cơ sở.

2. Phát triển cộng đồng số và thiết chế hỗ trợ số ở cơ sở

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động thực chất của Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại 100% xã, phường; chuẩn hóa nội dung hoạt động, tài liệu hướng dẫn, phương thức hỗ trợ và cơ chế phối hợp giữa chính quyền cơ sở với các tổ chức chính trị - xã hội, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp và lực lượng cộng đồng.

- Gắn hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng với Phong trào Bình dân học vụ số; phát triển phong trào “Gia đình số”, các mô hình “Chợ số - Nông thôn số”, mô hình “Làng số”, mô hình “Mỗi công dân - Một danh tính số”, điểm hỗ trợ kỹ năng số cộng đồng, điểm hỗ trợ dịch vụ công số và thanh toán số tại cơ sở; ưu tiên khu vực ngoại thành, làng nghề, chợ dân sinh, khu dân cư đông người và địa bàn có mức độ sẵn sàng số thấp.

- Thí điểm, triển khai mô hình “Trạm Công dân số” trên địa bàn Thành phố nhằm hỗ trợ trực tiếp người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, sổ sức khỏe điện tử, giao thông số, các nền tảng số của Thành phố và kỹ năng số cơ bản; tăng cường hỗ trợ phòng, chống lừa đảo trên môi trường số. Tại các “Trạm Công dân số”, thí điểm có kiểm soát hệ thống cấp bản sao số tự động có giá trị sử dụng thay thế bản sao chứng thực theo quy định pháp luật và mô hình thử nghiệm được cấp có thẩm quyền cho phép.

3. Thu hẹp khoảng cách số và khoảng cách AI giữa các nhóm dân cư

Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ phù hợp để thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm dân cư, bảo đảm mọi người dân đều có điều kiện tiếp cận, sử dụng dịch vụ số và thích ứng với môi trường số; ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ yếu thế, lao động phi chính thức, nông dân, tiểu thương, học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và người dân khu vực ngoại thành, cụ thể:

- Hỗ trợ tiếp cận thiết bị thông minh với giá rẻ, kết nối internet, kỹ năng số cơ bản, kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, chữ ký số, thanh toán số, tương tác số và tiếp cận các nền tảng số dùng chung của Thành phố cho các nhóm có mức độ sẵn sàng số thấp.

- Từng bước phổ cập kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, phù hợp với từng nhóm đối tượng; gắn nội dung này với hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng, Phong trào Bình dân học vụ số và các chương trình phổ cập kỹ năng số cho nhóm đặc thù, bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau.

- Tăng cường hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, người yếu thế, người dân khu vực ngoại thành tiếp cận thiết bị số, dịch vụ số và nâng cao kỹ năng số.

4. Phát triển dịch vụ xã hội số thiết yếu phục vụ người dân

Phát triển các dịch vụ xã hội số thiết yếu theo hướng lấy người dân làm trung tâm, thuận tiện, dễ sử dụng, an toàn, liên thông và gắn với nhu cầu thực tế trong đời sống hằng ngày, cụ thể:

- Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ số trong giáo dục, y tế, an sinh xã hội, việc làm, phản ánh hiện trường, thông tin quy hoạch, thanh toán số, định danh số, chữ ký số và dịch vụ công trực tuyến toàn trình; ưu tiên triển khai theo hành trình người dùng, tăng tái sử dụng dữ liệu và giảm giấy tờ, giảm tiếp xúc trực tiếp.

- Gắn phát triển dịch vụ xã hội số với các nền tảng số dùng chung của Thành phố như iHanoi, VNeID và các hệ thống chuyên ngành để người dân có thể thực hiện giao dịch số thuận tiện, liên thông và không phụ thuộc địa giới hành chính.

5. Phát triển giáo dục số, học tập số và nâng cấp kỹ năng số cho lực lượng lao động

Phát triển giáo dục số và học tập số theo hướng hình thành hệ sinh thái giáo dục thông minh của Thủ đô, gắn học tập số với nhu cầu phát triển kinh tế số, thị trường lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cụ thể:

- Hoàn thiện học liệu số, kho học liệu dùng chung, nền tảng học tập số, quản trị trường học số, học bạ số, mã định danh học tập, trường học số, lớp học thông minh, lớp học mở và lớp học hỗn hợp; từng bước chuẩn hóa việc khai thác, dùng chung và cập nhật học liệu số trong toàn Thành phố.

- Đẩy mạnh giáo dục kỹ năng số, STEM/STEAM, kỹ năng dữ liệu, kỹ năng trí tuệ nhân tạo trong nhà trường; tăng cường đào tạo lại, đào tạo nâng cấp và bồi dưỡng kỹ năng số cho người lao động, nhất là các nhóm lao động có nguy cơ bị tác động mạnh bởi tự động hóa và trí tuệ nhân tạo; gắn đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và thị trường lao động số.

6. Phát triển y tế số, chăm sóc sức khỏe số và an sinh số

Phát triển y tế số và an sinh số theo hướng hình thành hệ sinh thái dịch vụ số đồng bộ, liên thông, lấy người dân làm trung tâm; gắn chuyển đổi số với nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an sinh và phát triển xã hội số của Thủ đô, cụ thể:

- Chuẩn hóa, kết nối và khai thác hiệu quả hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử, dữ liệu bảo hiểm y tế, dữ liệu an toàn thực phẩm và các nền tảng số dùng chung của ngành y tế; mở rộng đăng ký khám trực tuyến, khám chữa bệnh bằng CCCD/VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích y tế số trên nền tảng số của Thành phố.

- Đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán, điều trị, điều hành bệnh viện, quản lý dịch tễ, chăm sóc sức khỏe học đường, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm; từng bước phát triển bệnh viện thông minh và mở rộng các dịch vụ y tế số có giá trị gia tăng phục vụ người dân.

7. Phát triển văn hóa số, đời sống số và không gian số lành mạnh

Phát triển văn hóa số và đời sống số của Thủ đô theo hướng hiện đại, lành mạnh, an toàn, giàu bản sắc và có khả năng lan tỏa các giá trị tốt đẹp của Hà Nội trên môi trường số, cụ thể:

- Đẩy mạnh số hóa di sản, bảo tàng, không gian văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, làng nghề, phố nghề và các sản phẩm văn hóa đặc trưng; phát triển sản phẩm văn hóa số, nền tảng sáng tạo nội dung số tích cực, truyền thông số lành mạnh và các hình thức trải nghiệm văn hóa ứng dụng công nghệ.

- Tăng cường giáo dục văn hóa ứng xử số, đạo đức số, trách nhiệm số, kỹ năng tự bảo vệ và khả năng thích ứng của người dân trên môi trường mạng; chủ động phòng ngừa, hạn chế thông tin xấu độc, hành vi gây tổn hại cộng đồng và các tác động tiêu cực của công nghệ đối với đời sống xã hội.

8. Bảo vệ người dân trên môi trường số và xây dựng niềm tin xã hội số

Bảo vệ người dân trên môi trường số là điều kiện quan trọng để phát triển xã hội số an toàn, tin cậy và nhân văn của Thủ đô, cụ thể:

- Tăng cường truyền thông, hướng dẫn, cảnh báo và hỗ trợ người dân nhận diện, phòng tránh các rủi ro trên môi trường số như lừa đảo số, giả mạo, xâm phạm dữ liệu cá nhân, thông tin sai lệch, lệ thuộc nền tảng,... và các nguy cơ mới do trí tuệ nhân tạo mang lại.

- Ưu tiên bảo vệ các nhóm yếu thế, người cao tuổi, trẻ em, học sinh, sinh viên và người dân có mức độ sẵn sàng số thấp; phát triển các công cụ hỗ trợ kiểm chứng thông tin, kênh tiếp nhận phản ánh, cơ chế hỗ trợ và bảo vệ người dân trên môi trường số.

- Gắn bảo vệ người dân với yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn số, niềm tin số và trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức trong cung cấp, vận hành dịch vụ số và nền tảng số.

9. Nâng cao năng lực quản trị xã hội trên môi trường số

Nâng cao năng lực quản trị xã hội trên môi trường số theo hướng tăng cường khả năng tổ chức, hỗ trợ, hướng dẫn, kết nối và bảo vệ người dân của chính quyền cơ sở, các tổ chức chính trị - xã hội, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa, Tổ chuyển đổi số cộng đồng và các lực lượng cộng đồng tại địa bàn dân cư, cụ thể:

- Phát triển các công cụ quản trị, theo dõi, đánh giá và phản hồi trên môi trường số; xây dựng cơ chế đánh giá định kỳ về mức độ bao trùm số, an toàn số, mức độ hài lòng và chất lượng thụ hưởng của người dân đối với các dịch vụ số thiết yếu.

- Gắn kết quả đánh giá với hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền, trách nhiệm người đứng đầu và nhiệm vụ xây dựng xã hội số của Thành phố; kịp thời phát hiện, xử lý khó khăn, vướng mắc và nhân rộng mô hình hiệu quả.

(Chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy

- Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 thành phố Hà Nội định hướng, chỉ đạo, điều phối nguồn lực và giám sát thực hiện Chương trình.

- Duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại xã, phường lan tỏa công nghệ đến tận người dân.

2. Hợp tác trong nước

- Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực theo mô hình hợp tác giữa: sở, ngành, doanh nghiệp công nghệ số, UBND các xã, phường và các cơ sở kinh tế. Đẩy mạnh hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số, nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Liên kết chặt chẽ giữa nhà nước, đại học, doanh nghiệp nền tảng số và thị trường để đào tạo, đào tạo lại và nâng cấp kỹ năng số cho lực lượng lao động.

3. Hợp tác quốc tế

- Thu hút tri thức, công nghệ số tiên tiến từ các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế vào Hà Nội gắn với chuyển giao công nghệ, phát triển nhân lực phù hợp định hướng của Chương trình.

- Tham gia tích cực vào hoạt động của các tổ chức, sáng kiến quốc tế về kinh tế số, xã hội số.

- Tổ chức xúc tiến thương mại, với trọng tâm là đưa doanh nghiệp công nghệ số xuất sắc của Việt Nam trên địa bàn Thành phố ra thị trường quốc tế.

4. Nghiên cứu, phát triển

- Ưu tiên phát triển các công nghệ số chiến lược thuộc danh mục công nghệ chiến lược ưu tiên của Thành phố; kết hợp công nghệ mở, mã nguồn mở để tạo dựng các nền tảng số quốc gia, nền tảng ngành thiết yếu.

- Chủ động tìm kiếm, thu hút chuyên gia công nghệ số trong và ngoài nước, tạo cơ chế đãi ngộ đột phá, tập trung vào công nghệ lõi và nền tảng số.

- Hình thành hệ sinh thái nghiên cứu - thử nghiệm - ươm tạo - khởi nghiệp trên địa bàn Thành phố: phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

5. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

- Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, triển lãm trong nước và quốc tế về công nghệ số phục vụ xây dựng đô thị thông minh, phát triển kinh tế số, xã hội số, gắn kết tuyên truyền kinh tế số với hình ảnh, văn hóa, du lịch và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

- Đẩy mạnh truyền thông tới người dân, doanh nghiệp; phát triển các kênh hỗ trợ tư vấn, hỏi đáp để người dân hiểu, sử dụng và hưởng lợi từ công nghệ số.

- Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm mô hình và giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số xuất sắc - nâng cao nhận thức và khơi dậy tinh thần sáng tạo trong toàn dân, đặc biệt giới trẻ và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

- Duy trì hiệu quả chuyên trang Chuyển đổi số Thủ đô và các chuyên trang của Hà Nội trên mạng xã hội, nền tảng iHanoi và các nền tảng số khác để đẩy mạnh truyền thông về phát triển kinh tế số, xã hội số của Thành phố.

6. Đo lường, giám sát triển khai

- Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê, đo lường kinh tế số, xã hội số của Thành phố. Hằng năm công bố về mức độ phát triển kinh tế số và xã hội số của các xã, phường trên địa bàn Thành phố.

- Triển khai Hệ thống thông tin tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đồng bộ với hệ thống của Bộ Khoa học và Công nghệ; thiết lập kênh báo cáo trực tuyến cho các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường báo cáo, cập nhật kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chương trình.

- Theo dõi, đánh giá định kỳ mức độ phát triển kinh tế số và xã hội số của Thành phố; gắn kết quả thực hiện với việc duy trì, cải thiện và nâng cao kết quả Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) trong giai đoạn 2026 - 2030.

7. Bảo đảm kinh phí

- Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường chủ động bố trí kinh phí từ dự toán được giao/phân cấp thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số. Phân rõ nhiệm vụ, nguồn lực, gắn trách nhiệm sử dụng hiệu quả với trách nhiệm kết quả đầu ra.

- Kinh phí đầu tư tập trung cho hạ tầng, hệ thống thông tin, nền tảng số; kinh phí thường xuyên dành cho thể chế, điều tra, đo lường, đào tạo, tuyên truyền, vận hành hệ thống, hỗ trợ doanh nghiệp. Khuyến khích cơ chế thuê thay vì đầu tư mới nhằm tăng hiệu quả sử dụng tài sản công.

- Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ của mình để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao thuộc Chương trình. Các đơn vị có nguồn kinh phí được để lại theo quy định ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện Chương trình phù hợp quy định của pháp luật.

- Khai thác hiệu quả các quỹ phát triển khoa học công nghệ, đầu tư mạo hiểm để tài trợ, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số. Khuyến khích huy động, khai thác hiệu quả các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước.

8. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế số, xã hội số

Ban hành quy chế đánh giá tác động của công nghệ số tới đời sống kinh tế - xã hội - văn hóa để có giải pháp chủ động kiểm soát, giảm thiểu những tác động tiêu cực do công nghệ số mang lại.

9. Thi đua, khen thưởng

- Tổ chức phong trào thi đua phát triển kinh tế số và xã hội số; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, doanh nghiệp và người dân về phát triển kinh tế số và xã hội số; tuyên truyền, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả ở cơ sở, doanh nghiệp và cộng đồng.

- Đa dạng hóa các hình thức thi đua, khen thưởng, tôn vinh, biểu dương kịp thời, xứng đáng các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có đề xuất, sáng kiến, giải pháp có giá trị, thiết thực, hiệu quả trong phát triển kinh tế số và xã hội số.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố xây dựng và trình UBND Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện hằng năm.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

- Là đầu mối tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Chương trình này và Kế hoạch hằng năm, định kỳ báo cáo UBND Thành phố (Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hằng năm trước ngày 15/12, báo cáo sơ kết trước ngày 31/12/2028, báo cáo tổng kết trước ngày 31/12/2030).

- Là cơ quan chủ trì tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách trong phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn Thành phố; phối hợp chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các cơ chế, chính sách, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số.

2. Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường:

- Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường trực tiếp chỉ đạo; chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về việc thực hiện Chương trình này.

- Xây dựng kế hoạch triển khai tại cơ quan, đơn vị, địa bàn mình phụ trách và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chương trình này.

- Kế hoạch năm 2026: Trong năm 2026, tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số được giao tại Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 26/01/2026 của UBND Thành phố về việc thực hiện Kế hoạch hành động số 20/KH-BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026; Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố về chuyển đổi số năm 2026; các kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực khác của thành phố Hà Nội năm 2026.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch hằng năm: Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì có trách nhiệm phân rõ các nhiệm vụ chính của Chương trình, đề xuất nhiệm vụ cụ thể theo từng năm, gửi Sở Khoa học và Công nghệ cùng với thời gian xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố để tổng hợp, trình UBND Thành phố ban hành kế hoạch phát triển kinh tế xã và xã hội xã của Thành phố hằng năm và phân bổ kinh phí theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm kịp thời rà soát, tổng hợp các nhiệm vụ phát sinh, khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo hoặc quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Chương trình, kế hoạch triển khai hằng năm hoặc các nhiệm vụ cụ thể theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

3. Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường chủ động tổ chức triển khai thực hiện Chương trình một cách đồng bộ, thống nhất, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương.

4. Cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Nội triển khai tuyên truyền sâu rộng về nội dung Chương trình tạo sự đồng thuận, lan tỏa nhận thức, khơi dậy khát vọng đổi mới sáng tạo thúc đẩy người dân và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố tham gia.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội chỉ đạo Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội; Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội, Hội Nông dân thành phố Hà Nội, Liên minh Hợp tác xã thành phố Hà Nội, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hà Nội xây dựng kế hoạch hành động, huy động đoàn viên, hội viên tham gia triển khai, đặc biệt trong phổ cập kỹ năng số, phát triển công dân số và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã.

6. Các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Hà Nội:

a) Doanh nghiệp viễn thông, bưu chính ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp.

b) Doanh nghiệp công nghệ số phát triển nền tảng số, tích hợp trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và trải nghiệm người dùng; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các nền tảng số, dịch vụ số.

c) Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Hà Nội xây dựng chương trình đào tạo về công nghệ số như: công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, bán dẫn, an toàn thông tin, kinh tế số, xã hội số,...; tham gia triển khai mô hình “học từ làm việc thực tế”.

7. Các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội nhất là các tập đoàn kinh tế, đóng vai trò tiên phong, dẫn dắt phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực.

8. Các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học của thành phố Hà Nội, khuyến khích các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội mở thêm chuyên ngành về kinh tế số, xã hội số trong từng lĩnh vực; đào tạo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên chuyên sâu về công nghệ số. Triển khai mô hình “học từ làm việc thực tế”; phối hợp với các viện nghiên cứu, doanh nghiệp khoa học và công nghệ để phát triển công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ chiến lược phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Giám đốc các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo 57 Trung ương;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố;
- Các cơ quan báo chí Thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP B.V.Thắng,
các phòng: ĐMPT, TH;
- Lưu: VT, ĐMPT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Việt Dũng

Phụ lục I
Hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế số và xã hội số thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì tổng hợp	Đơn vị phối hợp	Chỉ tiêu năm 2026	Giai đoạn 2027-2030			
						2027	2028	2029	2030
I	Chỉ tiêu phát triển Kinh tế số (8 chỉ tiêu)								
1	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 40%.	%	Thống kê Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	22	26	32	37	40
2	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt 57%.	%	Thống kê Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	47	49	52	55	57
3	Tỷ lệ Make in Viet Nam trong tổng doanh thu công nghiệp công nghệ số Việt Nam trên địa bàn Hà Nội đạt 50%.	%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp; Thống kê Hà Nội	35	39	43	47	50
4	Phần đầu doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử đạt 70%.	%	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	50	55	60	65	70
5	Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%.	%	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	85	90	94	97	100

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì tổng hợp	Đơn vị phối hợp	Chỉ tiêu năm 2026	Giai đoạn 2027-2030			
						2027	2028	2029	2030
6	Hỗ trợ tối thiểu 120.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố.	Nghìn doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Sở Công Thương; Thuế Thành phố Hà Nội; UBND xã, phường; hiệp hội doanh nghiệp; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 1; các ngân hàng, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp công nghệ	10	30	70	100	120
7	Phát triển, thúc đẩy và đưa vào sử dụng tối thiểu 01 sản dữ liệu hoặc nền tảng giao dịch, chia sẻ, khai thác dữ liệu của Thành phố.	Sàn/nền tảng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Thống kê Hà Nội; các Sở, ban, ngành có dữ liệu; doanh nghiệp công nghệ số	0	0	1	1	1
8	Tỷ trọng kinh tế dữ liệu chiếm tối thiểu 10% trong kinh tế số.	%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Tài chính; Cục Thống kê Thành phố; các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường; các doanh nghiệp dữ liệu, nền tảng số; các cơ quan, đơn vị liên quan	5	6	8	9	10
II	Chỉ tiêu phát triển Xã hội số (7 chỉ tiêu)								
1	Phủ sóng mạng băng rộng di động 5G cho người dân đạt 100%.	%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, các doanh nghiệp viễn thông	95	96	97	98	100

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì tổng hợp	Đơn vị phối hợp	Chỉ tiêu năm 2026	Giai đoạn 2027-2030			
						2027	2028	2029	2030
2	Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.	%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số	60	62	65	68	>70
3	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 99%.	%	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 1	Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, các ngân hàng thương mại, tổ chức trung gian thanh toán	95	96	97	98	99
4	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt 95%.	%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; Thành đoàn; UBND xã, phường	75	80	85	90	95
5	Tỷ lệ người dân có Hồ sơ sức khỏe điện tử/Sổ sức khỏe điện tử đạt 95%.	%	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; BHXH Khu vực 1; Công an Thành phố; UBND xã, phường	90	91	92	93	95
6	100% công dân Việt Nam từ 14 tuổi trở lên có căn cước, tài khoản định danh điện tử.	%	Công an Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND xã, phường; các đơn vị liên quan	95	97	98	99	100
7	100% xã, phường có điểm hỗ trợ số/Trạm Công dân số.	%	Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an Thành phố; Sở Y tế; Sở Tài chính; UBND xã, phường; các doanh nghiệp cung cấp nền tảng số, chữ ký số, thanh toán số; các cơ quan, đơn vị liên quan	20	40	60	80	100

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	I	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ						
	1	Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và mô hình quản trị						
1 B	-	Rà soát, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, kế hoạch, quy chế phát triển kinh tế số của Thành phố trên cơ sở Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, các quy định của Trung ương về cơ chế đặc thù đối với Hà Nội; tạo môi trường thuận lợi cho phát triển thị trường dữ liệu số, công nghệ số, thử nghiệm có kiểm soát và hình thành các mô hình kinh doanh mới.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp, Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2027	Tối thiểu 01 đợt rà soát/năm; các khó khăn, vướng mắc, bất cập về cơ chế, chính sách được tổng hợp, đề xuất xử lý theo thẩm quyền.	Báo cáo rà soát; dự thảo nghị quyết, quyết định, kế hoạch, quy chế, chương trình chuyên đề	
2 A	-	Ban hành và áp dụng thống nhất bộ chỉ tiêu, biểu mẫu, quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá phát triển kinh tế số trên toàn Thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống kê Thành phố Hà Nội; các Sở, ban, ngành	2026 - 2027; cập nhật, báo cáo định kỳ hằng năm	Bộ chỉ tiêu, biểu mẫu, quy trình theo dõi được ban hành, áp dụng thống nhất; định kỳ cập nhật số liệu phục vụ điều hành mục tiêu giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 40% năm 2030; theo dõi	Bộ chỉ tiêu; biểu mẫu; hướng dẫn thực hiện; báo cáo theo dõi định kỳ	Triển khai đồng bộ, lồng ghép với nhiệm vụ tương ứng đã được giao tại Kế hoạch số

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
						theo nhóm động lực chính gồm: công nghiệp công nghệ số, thương mại điện tử, kinh tế dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và nhóm tiềm năng gồm: logistics số, du lịch số, công nghiệp văn hóa số và các mô hình kinh tế số mới.		38/KH-UBND
	2	Phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và hạ tầng tính toán						
3 B	-	Triển khai Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 09/01/2026 của UBND Thành phố về phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành thực hiện theo nhiệm vụ được phân công	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2027	Các nhiệm vụ hạ tầng số được triển khai theo tiến độ Kế hoạch số 09/KH-UBND; chỉ tiêu cụ thể thực hiện theo kế hoạch chuyên đề đã được phê duyệt.	Kế hoạch triển khai; báo cáo kết quả định kỳ	
4 B	-	Đẩy mạnh phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, 5G, IoT, mạng truyền dẫn, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán phục vụ dữ liệu lớn, mô phỏng, dự báo và trí tuệ nhân tạo (AIDC).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông, các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Hạ tầng viễn thông băng rộng, 5G, IoT, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán được mở rộng; theo dõi bằng tỷ lệ phủ sóng, số điểm/khu vực được nâng cấp, năng lực lưu trữ và tính toán.	Kế hoạch triển khai; báo cáo kết quả; danh mục hạ tầng được nâng cấp	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
5	-	Nâng cấp, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố (LGSP), kho dữ liệu dùng chung, hồ dữ liệu, nền tảng tổng hợp, phân tích và biểu diễn dữ liệu bảo đảm kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2027	LGSP, kho dữ liệu dùng chung, hồ dữ liệu, nền tảng phân tích dữ liệu được nâng cấp; tăng số cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin kết nối, chia sẻ qua nền tảng dùng chung.	LGSP; kho dữ liệu dùng chung; hồ dữ liệu; nền tảng phân tích dữ liệu; báo cáo kết nối, liên thông	
6	-	Phát triển nền tảng bản đồ số và hạ tầng dữ liệu không gian thống nhất bảo đảm kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Nền tảng bản đồ số, cơ sở dữ liệu không gian được hình thành, cập nhật; tăng số lớp dữ liệu không gian và số hệ thống chuyên ngành khai thác, sử dụng.	Nền tảng bản đồ số; cơ sở dữ liệu không gian; báo cáo kết nối, khai thác	
	3	Phát triển dữ liệu số, kinh tế dữ liệu và trí tuệ nhân tạo phục vụ tăng trưởng kinh tế, ưu tiên giải quyết các điểm nghẽn và bài toán lớn của Thủ đô						
7 B	-	Triển khai Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của UBND Thành phố phê duyệt Chiến lược dữ liệu thành phố Hà Nội đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành thực hiện theo nhiệm vụ được phân công	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2027	Các nhiệm vụ theo Chiến lược dữ liệu thành phố Hà Nội được triển khai; chỉ tiêu cụ thể thực hiện theo Quyết định số 1394/QĐ-UBND và kế hoạch hằng năm.	Kế hoạch triển khai; báo cáo kết quả phát triển dữ liệu Thành phố	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
8 B	-	Hoàn thiện, chuẩn hóa, cập nhật, đồng bộ và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu của Thành phố, bao gồm dữ liệu hành chính, dữ liệu dân cư, dữ liệu doanh nghiệp, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu hiện trường và dữ liệu không gian.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Số cơ sở dữ liệu được chuẩn hóa, cập nhật, kết nối, chia sẻ tăng hằng năm; dữ liệu được quản lý theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung.	Danh mục dữ liệu; cơ sở dữ liệu chuẩn hóa; báo cáo kết quả cập nhật, kết nối, khai thác	
9 B	-	Xây dựng danh mục dữ liệu ưu tiên phục vụ phát triển kinh tế số; thúc đẩy phát triển dữ liệu mở, dữ liệu lớn, dữ liệu dùng chung, dữ liệu bản đồ và dữ liệu mẫu trong các lĩnh vực trọng điểm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	2026 - 2027; cập nhật hằng năm	Danh mục dữ liệu ưu tiên phục vụ phát triển kinh tế số được ban hành, cập nhật hằng năm; theo dõi số bộ dữ liệu ưu tiên được đưa vào khai thác.	Danh mục dữ liệu ưu tiên; kế hoạch mở dữ liệu; báo cáo cập nhật	
10	-	Rà soát, hoàn thiện và ban hành các quy định, quy chế về chia sẻ và mở dữ liệu có kiểm soát; phân loại dữ liệu, quy định trách nhiệm của cơ quan chủ quản, cơ chế cung cấp API phục vụ khai thác hợp pháp, bảo đảm cơ chế bảo vệ cán bộ thực hiện đúng quy định và công bố danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở theo lộ trình.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	2026 - 2027; cập nhật hằng năm	Công bố danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở theo lộ trình; hình thành cơ chế cung cấp API; theo dõi số bộ dữ liệu, API được công bố, chia sẻ, khai thác.	Quy chế chia sẻ, mở dữ liệu có kiểm soát; danh mục dữ liệu; API; báo cáo khai thác dữ liệu	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
11 B	-	Phát triển nền tảng dữ liệu, dịch vụ dữ liệu, mô hình phân tích dữ liệu và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ quản trị doanh nghiệp, tối ưu chuỗi cung ứng, dự báo thị trường, hỗ trợ ra quyết định và giải quyết các bài toán lớn của Thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các viện trường, doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.	2026 - 2030; thí điểm 2026 - 2028, nhân rộng 2028 - 2030	Tăng số nền tảng dữ liệu, mô hình phân tích dữ liệu, ứng dụng AI được thí điểm/triển khai phục vụ quản trị doanh nghiệp, tối ưu chuỗi cung ứng, dự báo, hỗ trợ ra quyết định và giải quyết bài toán lớn của Thành phố.	Nền tảng dữ liệu; mô hình AI; báo cáo thí điểm/triển khai	
12 A	-	Nghiên cứu, đề xuất chính sách phát triển thị trường dữ liệu; từng bước định hình mô hình giao dịch dữ liệu và thử nghiệm hình thành sàn giao dịch dữ liệu của Thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an Thành phố Hà Nội; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Thống kê Thành phố Hà Nội; các Sở, ban, ngành có dữ liệu; doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2028; vận hành, hoàn thiện 2028 - 2030	Tối thiểu 01 sản dữ liệu hoặc nền tảng giao dịch, chia sẻ, khai thác dữ liệu của Thành phố được nghiên cứu, thí điểm/đưa vào sử dụng theo thẩm quyền và quy định pháp luật.	Báo cáo nghiên cứu; đề án/mô hình thí điểm; sản dữ liệu hoặc nền tảng giao dịch, chia sẻ, khai thác dữ liệu	
13	-	Nghiên cứu, triển khai thử nghiệm có kiểm soát một số mô hình tài sản số phù hợp với Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, định hướng của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật; ưu tiên các lĩnh vực truy xuất	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030; nghiên cứu, thí điểm khi đủ điều kiện pháp lý	Tối thiểu 01 mô hình thí điểm được nghiên cứu, đề xuất hoặc triển khai khi đủ điều kiện pháp lý; có báo cáo đánh giá tác động, rủi ro và kiến nghị cơ chế.	Báo cáo nghiên cứu; mô hình thí điểm; báo cáo đánh giá tác động; đề xuất cơ chế	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		nguồn gốc, tài sản trí tuệ, sản phẩm văn hóa số, dữ liệu số, sản phẩm OCOP, làng nghề và các mô hình ứng dụng blockchain, bản sao số.						
	4	Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp nền tảng và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với các công nghệ số chiến lược ưu tiên của Thành phố						
14 B	-	Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn Thành phố có năng lực nghiên cứu, phát triển, làm chủ, ứng dụng, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; ưu tiên phát triển doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược thuộc danh mục công nghệ chiến lược ưu tiên của Thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Quản lý các Khu CNC và Khu CN, các viện trường, hiệp hội doanh nghiệp	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Số lượng, chất lượng doanh nghiệp công nghệ số được nâng lên; theo dõi số doanh nghiệp, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hỗ trợ, thương mại hóa.	Kế hoạch hỗ trợ; danh mục doanh nghiệp; báo cáo kết quả	
15 B	-	Xây dựng và triển khai Chương trình/kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ số theo định hướng của Chính phủ; lựa chọn, hỗ trợ và đồng hành với các doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Sở Tài chính, các doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Hình thành nhóm doanh nghiệp công nghệ số nòng cốt, có tiềm năng dẫn dắt; theo dõi số doanh nghiệp được lựa chọn, hỗ trợ, đồng hành hằng năm.	Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số, danh sách doanh nghiệp hỗ trợ	Triển khai phù hợp với Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		công nghệ số có tiềm năng trở thành doanh nghiệp dẫn dắt.						của Chính phủ và các chương trình, kế hoạch có liên quan.
16 B	-	Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm, giải pháp, nền tảng Make in Viet Nam; nâng cao tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số do doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố làm chủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức tín dụng, ngân hàng trên địa bàn Thành phố.	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Duy trì, nâng tỷ lệ Make in Viet Nam trong tổng doanh thu công nghiệp số Việt Nam trên địa bàn Hà Nội; phấn đấu đạt 50% vào năm 2030.	Các gói hỗ trợ; sản phẩm, giải pháp, nền tảng số được phát triển; báo cáo kết quả	
	5	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã, làng nghề chuyển đổi số thực chất						
17 A	-	Xây dựng và triển khai đồng bộ Kế hoạch chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa, UBND xã, phường	2026 - 2030; ban hành kế hoạch trong năm 2026, triển khai hằng năm	Kế hoạch được ban hành, tổ chức triển khai; góp phần hoàn thành chỉ tiêu hỗ trợ tối thiểu 120.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số đến năm 2030.	Kế hoạch; hướng dẫn; báo cáo kết quả hỗ trợ hằng năm	Hoàn thành xây dựng Kế hoạch trong Quý II/2026

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
18 B	-	Hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã, làng nghề đánh giá mức độ chuyển đổi số làm cơ sở xây dựng lộ trình chuyển đổi số phù hợp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã Thành phố, Hội Nông dân, UBND xã, phường	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Số doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã, làng nghề được đánh giá mức độ chuyển đổi số và xác định lộ trình tăng hằng năm; chỉ tiêu cụ thể xác định tại kế hoạch hằng năm.	Bộ công cụ đánh giá; tài liệu hướng dẫn; danh sách đơn vị được đánh giá; báo cáo triển khai	Thực hiện theo Kế hoạch chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026 - 2030
19 A	-	Hỗ trợ triển khai áp dụng các nền tảng số thiết yếu như: quản trị, bán hàng, kế toán, kết nối thuế, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, thanh toán số, thương mại điện tử, marketing số, logistics số, truy xuất nguồn gốc, quản lý kho, điều hành sản xuất và chăm sóc khách hàng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Thuế thành phố Hà Nội; UBND xã, phường; doanh nghiệp nền tảng số; hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, ngân hàng có giải pháp.	2026 - 2030; trọng tâm 2026 triển khai ngay	Tăng số doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã, làng nghề sử dụng nền tảng số thiết yếu; theo dõi số đơn vị dùng hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, thanh toán số, thương mại điện tử, kết nối thuế.	Chương trình hỗ trợ; các giải pháp nền tảng phù hợp với từng loại hình kinh doanh, phần mềm áp dụng; báo cáo triển khai	Thực hiện theo Kế hoạch chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026 - 2030 và Chương trình triển khai hỗ trợ các hộ kinh doanh theo sự huy động từ các tổ chức tín dụng, ngân

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
								hàng cung cấp giải pháp.
20 A	-	Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã và làng nghề tham gia các sàn thương mại điện tử trong nước và xuyên biên giới; mở rộng khai thác ứng dụng iHanoi, Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội, Chợ chuyển đổi số Hà Nội, Gian hàng số Thủ đô và các nền tảng số khác. Đào tạo bổ sung kiến thức kinh doanh thương mại điện tử và tuân thủ luật thuế thương mại điện tử giúp các đơn vị chủ động trong kinh doanh.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Du lịch, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã, phường và tổ chức, đơn vị tài chính, ngân hàng.	2026 - 2030; triển khai hàng năm	Tăng số doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, làng nghề tham gia sàn thương mại điện tử trong nước và xuyên biên giới; tăng số gian hàng số, sản phẩm được quảng bá, kết nối tiêu thụ trên môi trường số.	Chương trình hỗ trợ; gian hàng số; danh sách đơn vị/sản phẩm tham gia; báo cáo kết quả	Thực hiện theo Kế hoạch chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026 - 2030. Và Chương trình triển khai hỗ trợ các hộ kinh doanh theo sự huy động từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng cung cấp giải pháp.
21	-	Tăng cường liên kết số giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa với doanh nghiệp đầu chuỗi, doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nền tảng số, doanh nghiệp	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội doanh nghiệp, các	2026 - 2030; triển khai	Hình thành các mô hình, kênh liên kết số giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa với doanh nghiệp đầu chuỗi, doanh nghiệp nền	Chương trình kết nối cung - cầu; mô hình liên kết số; báo cáo kết quả	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		ngành logistics và các chủ thể cùng ngành.		đơn vị liên quan	hàng năm	tăng số, doanh nghiệp logistics; tăng số chương trình kết nối cung - cầu, kết nối thị trường, kết nối chuỗi giá trị số.		
	6	Phát triển kinh tế số theo ngành, lĩnh vực trọng điểm						
	6.1	Nông nghiệp và Môi trường						
	a	Nông nghiệp						
22	-	Triển khai thúc đẩy phát triển và ứng dụng có hiệu quả công nghệ số, nông nghiệp thông minh trong lĩnh vực nông nghiệp theo Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 12/3/2025 của UBND Thành phố về Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành thực hiện theo nhiệm vụ được phân công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030; theo kế hoạch chuyên đề	Chỉ tiêu/KPI thực hiện theo Kế hoạch số 73/KH-UBND và kế hoạch hàng năm; định kỳ báo cáo số mô hình, vùng sản xuất, cơ sở/hợp tác xã ứng dụng công nghệ số, nông nghiệp thông minh.		
23 B	-	Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu số về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, mùa vụ, vùng nguyên liệu, dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc, chất lượng sản phẩm, thị trường tiêu thụ và dữ liệu chuỗi cung ứng.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Cơ sở dữ liệu số ngành nông nghiệp được xây dựng, cập nhật; theo dõi số lớp dữ liệu, vùng nguyên liệu, sản phẩm/chuỗi cung ứng được số hóa, truy xuất nguồn gốc.	Cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp	
	b	Môi trường						

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
24	-	Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực môi trường theo hướng hình thành hệ thống dữ liệu môi trường đô thị đồng bộ, phục vụ giám sát, cảnh báo, dự báo, quản lý tài nguyên và phát triển các dịch vụ môi trường số.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an Thành phố, UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Hệ thống dữ liệu môi trường đô thị được hình thành; theo dõi số nguồn dữ liệu, điểm quan trắc, chỉ số giám sát, cảnh báo môi trường được kết nối, khai thác.	Hệ thống dữ liệu môi trường, nền tảng giám sát	
25	-	Tập trung hình thành hệ thống dữ liệu môi trường đô thị đồng bộ; tích hợp dữ liệu chất lượng không khí, nước, đất, chất thải, phát thải khí nhà kính, khí tượng thủy văn và các nguồn gây ô nhiễm; ứng dụng cảm biến, IoT, camera, bản đồ số, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong giám sát, cảnh báo sớm và điều hành, quản lý môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Tăng số nguồn dữ liệu môi trường được tích hợp; số điểm/cảm biến/camera quan trắc, cảnh báo sớm được kết nối; báo cáo định kỳ phục vụ điều hành môi trường.	Hệ thống quan trắc, cơ sở dữ liệu, báo cáo kết quả	
	6.2	Du lịch và Văn hoá						
	a	Du lịch						
26	-	Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực du lịch theo hướng du lịch thông minh; gắn chuyển đổi số, đổi mới công nghệ và dữ liệu với phát triển sản phẩm, dịch vụ, thị trường và thương hiệu du lịch của Thủ đô.	Sở Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao, UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Du lịch thông minh được mở rộng; theo dõi số điểm đến, sản phẩm, dịch vụ du lịch số và số lượt sử dụng nền tảng/tiện ích du lịch số.	Kế hoạch triển khai, mô hình du lịch thông minh	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
27 B	-	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về điểm đến, di sản, lễ hội, làng nghề, cơ sở lưu trú, lễ hành, dịch vụ ăn uống, dịch vụ giải trí và hành vi du khách; phát triển nền tảng quản trị điểm đến, quảng bá số, đặt chỗ, thanh toán, đánh giá trải nghiệm.	Sở Du lịch	Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Cơ sở dữ liệu, nền tảng du lịch số được hoàn thiện; theo dõi số điểm đến, cơ sở dịch vụ, sản phẩm du lịch được cập nhật, số lượt khai thác, đánh giá trải nghiệm.	Cơ sở dữ liệu du lịch, nền tảng quản trị điểm đến	
28	-	Mở rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo, thực tế tăng cường, bản sao số và các công nghệ tương tác mới để phát triển tour số, trải nghiệm số, du lịch thông minh và cá thể hóa dịch vụ.	Sở Du lịch	Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030; thí điểm 2026 - 2028, nhân rộng 2028 - 2030	Tăng số tour số, trải nghiệm số, mô hình thực tế ảo/thực tế tăng cường, bản sao số điểm đến được thí điểm/triển khai; theo dõi số lượt sử dụng, mức độ hài lòng.	Tour số, nền tảng trải nghiệm số du lịch, ứng dụng du lịch thông minh, mô hình tham quan thực tế ảo/thực tế tăng cường, bản sao số điểm đến và báo cáo kết quả triển khai.	
	b	Văn hoá						
29	-	Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực văn hóa theo hướng hình thành hệ sinh thái công nghiệp văn hóa số mang đậm bản sắc Thăng Long - Hà Nội.	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Du lịch, UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2027 - 2030	Hệ sinh thái công nghiệp văn hóa số được thúc đẩy; theo dõi số chương trình, sản phẩm, không gian sáng tạo, mô hình khai thác văn hóa số được triển khai.	Kế hoạch, đề án, chương trình phát triển	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
30 B	-	Số hóa và khai thác hiệu quả dữ liệu di sản, bảo tàng, di tích, lễ hội, không gian văn hóa, làng nghề, phố nghề và các sản phẩm văn hóa đặc trưng; ưu tiên phát triển bảo tàng số, di sản số, sản phẩm nội dung số, nền tảng quảng bá và phân phối sản phẩm văn hóa số, các hình thức trải nghiệm văn hóa ứng dụng công nghệ.	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Được đo bằng số di sản, bảo tàng, di tích, lễ hội, làng nghề, phố nghề, sản phẩm văn hóa đặc trưng được số hóa, khai thác; theo dõi số sản phẩm nội dung số, trải nghiệm số.	Cơ sở dữ liệu văn hóa, sản phẩm văn hóa số	
31	-	Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu và tài sản văn hóa số để phát triển sản phẩm công nghiệp văn hóa có giá trị gia tăng cao; từng bước hình thành cơ chế hỗ trợ sáng tạo, phân phối, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và thương mại hóa sản phẩm nội dung văn hóa số.	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương	2026 - 2030; thí điểm 2026 - 2028, nhân rộng 2028 - 2030	Đo bằng số sản phẩm công nghiệp văn hóa số được thương mại hóa; số doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia khai thác dữ liệu, tài sản văn hóa số.	Cơ chế hỗ trợ, chương trình thí điểm, báo cáo kết quả	
	6.3	Thương mại, công nghiệp và năng lượng						
	a	Thương mại						
32	-	Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 05/3/2026 của UBND thành phố Hà Nội về phát triển	Sở Công Thương; các sở, ban, ngành thực hiện theo	Sở Công Thương	2026 - 2030; theo kế hoạch	Chỉ tiêu/KPI thực hiện theo Kế hoạch số 84/KH-UBND và kế hoạch hằng năm; định kỳ báo cáo số doanh nghiệp, hộ kinh		

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		thương mại điện tử của Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030.	nhiệm vụ được phân công		chuyên đề	doanh, hợp tác xã tham gia thương mại điện tử.		
33	-	Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực thương mại theo hướng đẩy mạnh thương mại điện tử, kinh doanh đa kênh, thanh toán số, hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử và truy xuất nguồn gốc.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Tăng tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử; tăng tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử, thanh toán số.	Kế hoạch, chương trình hỗ trợ, báo cáo kết quả	
34 B	-	Tăng cường triển khai ứng dụng truy xuất nguồn gốc hàng hóa, nhất là đối với thực phẩm, nhằm nâng cao tính minh bạch, kiểm soát chất lượng và bảo đảm an toàn thực phẩm cho người dân.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Tăng số sản phẩm, nhóm hàng, cơ sở sản xuất, kinh doanh được áp dụng truy xuất nguồn gốc, nhất là thực phẩm; tăng số lượt tra cứu, kiểm tra, giám sát chất lượng.	Hệ thống truy xuất nguồn gốc, báo cáo kết quả	
35 B	-	Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử, nhất là sàn thương mại điện tử xuyên biên giới, nền tảng số và Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, Chương trình “Gian hàng số - nâng tầm thương nhân Thủ đô”; kết nối	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Du lịch và các đơn vị liên quan	2026 - 2030; triển khai hàng năm	Tăng số gian hàng số, sản phẩm, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia sàn thương mại điện tử trong nước và xuyên biên giới; theo dõi doanh thu/giao dịch số khi có số liệu.	Các chương trình hỗ trợ, báo cáo kết quả	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		thương mại số với quảng bá số, bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và chuỗi giá trị du lịch, văn hóa, dịch vụ của Thành phố; hình thành lực lượng nhân lực số trong thương mại điện tử, marketing số, vận hành gian hàng số, thanh toán số, thương mại điện tử xuyên biên giới và quản trị chuỗi cung ứng số.						
	b	Công nghiệp						
36		Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng sản xuất thông minh, xanh, bền vững và có giá trị gia tăng cao.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các khu CNC và khu CN, các doanh nghiệp	2026 - 2030; trọng tâm 2027 - 2030	Tăng số doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo áp dụng mô hình sản xuất thông minh, xanh, bền vững; chỉ tiêu cụ thể xác định tại kế hoạch hằng năm.	Kế hoạch triển khai, mô hình sản xuất thông minh	
37		Ứng dụng công nghệ số trong quản trị, điều hành, sản xuất, kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc, kết nối chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số doanh nghiệp ứng dụng hệ thống quản trị, điều hành, kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc, kết nối chuỗi cung ứng; theo dõi mức tăng năng suất, giảm chi phí khi có số liệu.	Các giải pháp công nghệ áp dụng, báo cáo kết quả	
	c	Năng lượng						
38	-	Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực năng lượng theo hướng	Sở Công Thương	Tổng công ty Điện lực Hà	2026 - 2030;	Hạ tầng và quản trị năng lượng thông minh được	Kế hoạch, báo cáo kết quả	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		hiện đại hóa hạ tầng điện lực, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và sử dụng năng lượng.		Nội, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND xã, phường	trọng tâm 2026 - 2028	nâng cao; theo dõi số hệ thống, khu vực, công trình được số hóa, giám sát tiêu thụ năng lượng.		
39	-	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý lưới điện, đo đếm, giám sát tiêu thụ, điều hành vận hành, cảnh báo sự cố và tối ưu hóa phân phối điện; hình thành nền tảng quản lý năng lượng thông minh.	Sở Công Thương	Tổng công ty Điện lực Hà Nội, Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030; thí điểm 2026 - 2028, nhân rộng 2028 - 2030	Tăng số giải pháp, nền tảng quản lý năng lượng thông minh được thí điểm/triển khai; theo dõi số điểm đo đếm, cảnh báo, tối ưu vận hành được kết nối.	Nền tảng quản lý năng lượng, báo cáo triển khai	
	6.4	Dịch vụ Logistics						
40	-	Tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số phát triển kinh tế trong lĩnh vực Logistics theo Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 13/3/2026 về phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Công Thương; các sở, ban, ngành thực hiện theo nhiệm vụ được phân công	Sở Công Thương	2026 - 2030; theo kế hoạch chuyên đề	Chỉ tiêu/KPI thực hiện theo Kế hoạch số 104/KH-UBND và kế hoạch hằng năm; định kỳ báo cáo số mô hình, nền tảng, doanh nghiệp logistics ứng dụng công nghệ số.		
41	-	Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực logistics theo hướng xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm logistics của vùng Đồng bằng sông Hồng, đồng thời là trung tâm E-logistics hàng đầu Việt Nam; gắn chuyển đổi số trong logistics với phát triển	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, các doanh nghiệp logistics	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Dịch vụ logistics số được mở rộng; theo dõi số doanh nghiệp, trung tâm/kho bãi, mô hình logistics đô thị, logistics xanh, thương mại điện tử được kết nối số.	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		thương mại điện tử, logistics đô thị, logistics xanh và nâng cao năng lực kết nối chuỗi cung ứng của Thủ đô.						
42	-	Tập trung số hóa, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các trung tâm logistics, cảng cạn ICD (cụ thể: ICD Cổ Bi, ICD Đông Anh, ICD Đức Thượng), khu vực sân bay Nội Bài, kho bãi, kho lạnh, kho thông minh, vận tải, giao nhận, chợ đầu mối và hệ thống phân phối; đẩy mạnh ứng dụng IoT, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong quản trị kho vận, điều phối vận tải, truy xuất nguồn gốc, tối ưu chi phí và phát triển dịch vụ logistics thông minh, xanh, hiện đại.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp logistics, các đơn vị liên quan	2026 - 2030; thí điểm 2026 - 2028, nhân rộng 2028 - 2030	Tăng số trung tâm logistics, ICD, kho bãi, kho lạnh, chợ đầu mối, hệ thống phân phối được số hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu; theo dõi mức giảm chi phí/thời gian khi có số liệu.	Cơ sở dữ liệu, nền tảng logistics số, báo cáo kết quả	
	6.5	Giáo dục, đào tạo và lao động, việc làm						
	a	Giáo dục phổ thông						
43 B	-	Hình thành hệ sinh thái giáo dục thông minh của Thủ đô, kết nối học sinh, giáo viên, nhà trường, phụ huynh và cơ quan quản lý trên nền tảng dữ liệu thống nhất.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Hệ sinh thái giáo dục thông minh được hình thành; theo dõi số trường, học sinh, giáo viên, phụ huynh sử dụng nền tảng dữ liệu, dịch vụ giáo dục số.	Kế hoạch, nền tảng và hệ thống giáo dục số	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
44	-	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành, kho dữ liệu lớn dùng chung, hệ thống điều hành và dashboard, mã định danh học tập cho học sinh, học bạ số, hồ sơ học tập số và tuyển sinh đầu cấp dựa trên dữ liệu dân cư, GIS và ứng dụng AI; phát triển nền tảng học tập số dùng chung, kho học liệu số, mô hình trường học số, lớp học thông minh, lớp học mở và lớp học hỗn hợp; đẩy mạnh giáo dục kỹ năng số, STEM/STEAM, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, vi điện tử và định hướng nghề nghiệp công nghệ cao ngay từ phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an Thành phố	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Tăng số học sinh có mã định danh học tập, học bạ số, hồ sơ học tập số; số học liệu số, lớp học thông minh, lớp học mở/hỗn hợp được triển khai; tỷ lệ sử dụng nền tảng học tập số tăng hằng năm.	Cơ sở dữ liệu ngành, học bạ số, nền tảng học tập số	
	b	Giáo dục đại học và đào tạo nghề						
45	-	Phát triển giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, thực hành, gắn với nhu cầu nhân lực của Thủ đô và các ngành công nghệ số chiến lược ưu tiên.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp	2026 - 2030; trọng tâm 2027 - 2030	Tăng quy mô đào tạo, đào tạo lại nhân lực số, công nghệ số chiến lược; theo dõi tỷ trọng quy mô đào tạo STEM trên địa bàn theo kế hoạch/chỉ tiêu được giao.	Kế hoạch triển khai, chương trình đào tạo	
46	-	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp, nền tảng đào	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công	2026 - 2030;	Tăng số chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn	Cơ sở dữ liệu, nền tảng đào tạo,	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		tạo số, học liệu số, mô hình đào tạo kết hợp, mô phỏng và thực hành số; mở rộng các chương trình đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng ngắn hạn về bán dẫn, vi điện tử, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu, công nghệ số và các kỹ năng công nghệ cao.		nghệ, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố	triển khai hằng năm	về bán dẫn, vi điện tử, AI, dữ liệu, công nghệ số; số học viên, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp tham gia tăng hằng năm.	chương trình bồi dưỡng	
	c	Lao động và việc làm						
47	-	Phát triển nguồn nhân lực số và thị trường lao động thích ứng với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo và công nghiệp công nghệ cao.	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Nguồn nhân lực số, thị trường lao động số được phát triển; theo dõi số chương trình/kế hoạch, dữ liệu, hoạt động kết nối cung - cầu lao động số được triển khai.	Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, báo cáo kết quả	
48 B	-	Nâng cao kỹ năng số, kỹ năng AI, kỹ năng công nghệ cao, kỹ năng đổi mới sáng tạo và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên, học viên giáo dục nghề nghiệp và người lao động.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục.	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số học sinh, sinh viên, học viên giáo dục nghề nghiệp, người lao động được bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng AI, kỹ năng công nghệ cao; chỉ tiêu cụ thể xác định tại kế hoạch hằng năm.	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng, báo cáo kết quả	
	6.6	Y tế						
49 B	-	Hình thành hệ sinh thái y tế số đồng bộ, liên thông, lấy người dân làm trung tâm; gắn chuyển đổi số với nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, phát triển	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ, Bảo hiểm xã hội, Công an	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Hệ sinh thái y tế số đồng bộ, liên thông được hình thành; theo dõi số cơ sở y tế, nền tảng, cơ sở dữ liệu	Kế hoạch triển khai, mô hình y tế số, báo cáo kết quả	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		dịch vụ y tế số, bệnh viện thông minh và quản trị y tế dựa trên dữ liệu. Cung cấp và đào tạo giải pháp quản lý khám chữa bệnh (bao gồm phần mềm khám chữa bệnh và phần mềm hỗ trợ công tác quản lý của các trạm y tế) để các đơn vị tập trung vào công tác chuyên môn và người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc cộng đồng được thuận tiện hơn.		Thành phố, đơn vị tài chính, ngân hàng, UBND xã, phường	Triển khai ngay	y tế được kết nối, khai thác.		
50 B	-	Phát triển bệnh viện thông minh tại các bệnh viện công lập và từng bước mở rộng ra ngoài công lập. Hoàn thiện, kết nối và khai thác hiệu quả hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử, dữ liệu bảo hiểm y tế, dữ liệu dân cư, dữ liệu an toàn thực phẩm và các nền tảng số dùng chung của ngành. Mở rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu và các công nghệ số trong chẩn đoán hình ảnh, hỗ trợ ra quyết định lâm sàng, phát hiện sớm bệnh, quản lý dịch tễ, chăm sóc sức khỏe học đường,	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an Thành phố, Bảo hiểm xã hội, các cơ sở y tế	2026 - 2030; triển khai hàng năm	Tăng tỷ lệ người dân có hồ sơ/sổ sức khỏe điện tử; tăng số bệnh viện thông minh, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử, dịch vụ y tế số, thanh toán không dùng tiền mặt trong y tế.	Cơ sở dữ liệu, nền tảng y tế số, mô hình bệnh viện thông minh, báo cáo kết quả	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		dinh dưỡng và an toàn thực phẩm; phát triển các dịch vụ y tế số có giá trị gia tăng trên nền tảng iHanoi và các nền tảng số khác của Thành phố.						
	6.7	Các ngành, lĩnh vực khác						
51	-	Phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực khác theo hướng hình thành môi trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số; xác định dữ liệu lõi, nền tảng dùng chung, mục tiêu, chỉ tiêu và lộ trình thực hiện của từng ngành, lĩnh vực.	Các sở, ban, ngành thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND xã, phường	2026 - 2030; hoàn thành lộ trình ngành trong 2026 - 2027, triển khai hằng năm	Các ngành, lĩnh vực xác định dữ liệu lõi, nền tảng dùng chung, mục tiêu, chỉ tiêu và lộ trình thực hiện; hằng năm báo cáo số nhiệm vụ, mô hình, kết quả đo được.	Kế hoạch chuyên ngành, báo cáo kết quả	
	7	Hình thành không gian tăng trưởng mới của kinh tế số						
52	-	Hình thành các không gian tăng trưởng mới của kinh tế số gắn với lợi thế và định hướng phát triển của Thủ đô như: khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu thương mại tự do, khu kinh tế tự do, kinh tế tầm thấp, không gian ngầm và các loại hình kinh tế mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Quản lý các Khu CNC và khu CN, các Sở, ban, ngành liên quan	2026 - 2030; nghiên cứu 2026 - 2027, triển khai 2028 - 2030	Hình thành, phát triển các không gian tăng trưởng mới của kinh tế số; theo dõi năng lực hạ tầng dữ liệu, hạ tầng tính toán phục vụ trí tuệ nhân tạo; số doanh nghiệp dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, vi điện tử được hỗ trợ, kết nối; số mô hình AI dùng	Đề án/kế hoạch phát triển không gian tăng trưởng mới của kinh tế số; danh mục không gian tăng trưởng mới ưu tiên; báo cáo kết quả triển khai hằng năm.	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		dựa trên ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số, hạ tầng số và đổi mới sáng tạo. Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc trở thành hạt nhân nghiên cứu, thử nghiệm, ươm tạo, sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa công nghệ số mới; thúc đẩy hình thành Tổ hợp G-Campus Hòa Lạc - Trung tâm công nghệ cao và trung tâm dữ liệu đạt chuẩn Tier III chuyên phục vụ trí tuệ nhân tạo và tính toán hiệu năng cao; từng bước phát triển hệ sinh thái dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, vi điện tử và các công nghệ số chiến lược ưu tiên của Thành phố.				chung/thí điểm; số sản phẩm, giải pháp công nghệ số, AI, dữ liệu, bán dẫn, vi điện tử được nghiên cứu, thí điểm, triển khai.		
53	-	Triển khai các mô hình thí điểm về khu sản xuất thông minh, trung tâm thử nghiệm công nghệ số và nền tảng hỗ trợ đổi mới sáng tạo phục vụ doanh nghiệp. Hình thành mạng lưới trung tâm, phòng thử nghiệm, cơ sở ươm tạo, trình diễn và kiểm chứng giải pháp công nghệ số tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, các trung tâm đổi mới sáng tạo, trường đại học, viện nghiên cứu	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Quản lý các Khu CNC và khu CN, các trung tâm đổi mới sáng tạo, trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2030; thí điểm 2026 - 2028, nhân rộng 2028 - 2030	Số mô hình thí điểm về khu sản xuất thông minh, trung tâm thử nghiệm công nghệ số, nền tảng hỗ trợ đổi mới sáng tạo được triển khai; số trung tâm, phòng thử nghiệm, cơ sở ươm tạo, trình diễn, kiểm chứng giải pháp công nghệ số được hình thành hoặc kết nối; số doanh nghiệp, sản phẩm, giải pháp công nghệ số được	Mô hình thí điểm khu sản xuất thông minh, trung tâm thử nghiệm công nghệ số, nền tảng hỗ trợ đổi mới sáng tạo; mạng lưới trung tâm, phòng thử nghiệm, cơ sở ươm tạo, trình diễn, kiểm chứng giải pháp công nghệ số; danh mục sản	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		cứu và doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn Thành phố.				hỗ trợ thử nghiệm, trình diễn, kiểm chứng, hoàn thiện và thương mại hóa.	phẩm, giải pháp công nghệ số được thử nghiệm, trình diễn, kiểm chứng.	
	8	Mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế						
54	-	Tăng cường liên kết với các địa phương trong Vùng Thủ đô và các địa phương có quan hệ kinh tế chặt chẽ với Hà Nội trong kết nối hạ tầng số, chia sẻ dữ liệu, thương mại số, du lịch số, đào tạo nhân lực số và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND Thành phố, Sở Công Thương, Sở Du lịch, các địa phương liên quan	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số chương trình phối hợp, nội dung liên kết vùng về hạ tầng số, chia sẻ dữ liệu, thương mại số, du lịch số, đào tạo nhân lực số, doanh nghiệp công nghệ số.	Chương trình phối hợp, biên bản hợp tác, báo cáo kết quả	
55	-	Mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, an ninh mạng, bán dẫn, vi điện tử, giáo dục số, y tế số, đô thị thông minh, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp văn hóa số và xuất khẩu số; thu hút doanh nghiệp, chuyên gia, viện nghiên cứu, tổ chức đổi mới sáng tạo và nhà đầu tư quốc tế tham gia phát triển hệ sinh thái kinh tế số của Thủ đô.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND Thành phố, các Sở, ban, ngành liên quan	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số chương trình, thỏa thuận, hoạt động hợp tác quốc tế; số chuyên gia, viện trường, doanh nghiệp, nhà đầu tư quốc tế tham gia hệ sinh thái kinh tế số Thủ đô.	Các chương trình hợp tác, hội nghị, thỏa thuận hợp tác	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
56	-	Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại về công nghiệp công nghệ số, kết nối thị trường quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số của Hà Nội tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và thị trường số quốc tế.	Sở Công Thương, Sở Tài chính thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Văn phòng UBND Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số chương trình xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại về công nghiệp công nghệ số; số doanh nghiệp công nghệ số được hỗ trợ kết nối thị trường quốc tế.	Chương trình xúc tiến, báo cáo kết quả	
	9	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, niềm tin số và giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số						
57 B	-	Xây dựng môi trường số an toàn, tin cậy là điều kiện nền tảng để phát triển kinh tế số bền vững; tập trung bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu doanh nghiệp, dữ liệu sản xuất kinh doanh, hệ thống thông tin, nền tảng số và các giao dịch điện tử.	Công an Thành phố Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Mức độ an toàn, an ninh mạng và niềm tin số được nâng cao; theo dõi số hệ thống, nền tảng được kiểm tra, đánh giá, bảo vệ; số sự cố/rủi ro được phát hiện, xử lý.	Kế hoạch, phương án bảo đảm an toàn, báo cáo đánh giá	
58 B	-	Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, cảnh báo và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân nhận diện, phòng tránh các rủi ro trên môi trường số như lừa đảo số, giả mạo, deepfake, xâm phạm dữ liệu, rò rỉ bí mật kinh doanh và các tác động tiêu cực mới do công nghệ số gây ra.	Công an Thành phố Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Nội, UBND xã, phường	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số chiến dịch, tài liệu, cảnh báo, lượt người dân/doanh nghiệp được tuyên truyền, hướng dẫn phòng tránh lừa đảo số, giả mạo, deepfake, xâm phạm dữ liệu.	Tài liệu tuyên truyền, chương trình cảnh báo, báo cáo kết quả	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
59	-	Thường xuyên đánh giá tác động của công nghệ số đối với việc làm, môi trường kinh doanh, quyền riêng tư, an toàn dữ liệu, thông tin thị trường và chất lượng sống; chủ động đề xuất giải pháp quản trị rủi ro, giảm thiểu tác động tiêu cực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an Thành phố Hà Nội, Sở Nội vụ, các Sở, ban, ngành liên quan	2026 - 2030; đánh giá định kỳ hằng năm	Có báo cáo đánh giá định kỳ tác động của công nghệ số; số rủi ro, tác động tiêu cực được nhận diện, đề xuất giải pháp, kiến nghị chính sách.	Báo cáo đánh giá, đề xuất giải pháp, kiến nghị chính sách	
	II	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ						
	1	Phát triển công dân số và năng lực số của người dân						
60 B	-	Phát triển công dân số của Thủ đô theo Khung năng lực số cho công dân Hà Nội, hình thành năng lực số thiết yếu và nâng cao khả năng tham gia của người dân vào môi trường số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Thành đoàn Hà Nội, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động	2026 - 2030; hoàn thành khung trong năm 2026, triển khai hằng năm	Khung năng lực số cho công dân Hà Nội được ban hành; số lượt người dân được bồi dưỡng, đánh giá năng lực số tăng hằng năm; chỉ tiêu cụ thể xác định tại kế hoạch hằng năm.	Chương trình, tài liệu bồi dưỡng, báo cáo kết quả	Hoàn thành Khung năng lực số cho công dân Hà Nội trong Quý II/2026
61 B	-	Xây dựng và triển khai chương trình bồi dưỡng kỹ năng số theo nhóm đối tượng, độ tuổi, điều kiện tiếp cận và nhu cầu sử dụng thực tế; ưu tiên kỹ năng sử dụng, khai thác các	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND xã, phường	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số chương trình, học liệu, lớp/tổ chức bồi dưỡng kỹ năng số; số lượt người dân được đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ sử dụng	Chương trình bồi dưỡng, học liệu, báo cáo kết quả	Thực hiện sau khi Khung năng lực số cho công dân Hà

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		nền tảng số dùng chung của Thành phố.				nền tảng số dùng chung tăng hằng năm.		Nội được phê duyệt
62	-	Tổ chức đo lường, đánh giá định kỳ mức độ phổ cập kỹ năng số của người dân và mức độ sử dụng thực tế các dịch vụ số thiết yếu; gắn kết quả đánh giá với trách nhiệm triển khai của cơ quan, đơn vị và chính quyền cơ sở.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	2026 - 2030; đánh giá định kỳ hằng năm	Bộ chỉ số/bộ công cụ đánh giá được vận hành; định kỳ đo mức độ phổ cập kỹ năng số và mức độ sử dụng thực tế dịch vụ số thiết yếu của người dân.	Bộ chỉ số, báo cáo đánh giá định kỳ	Thực hiện sau khi Khung năng lực số cho công dân Hà Nội được phê duyệt
	2	Phát triển cộng đồng số và thiết chế hỗ trợ số ở cơ sở						
63	-	Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động thực chất của Tổ chuyên đổi số cộng đồng tại 100% xã, phường; chuẩn hóa nội dung hoạt động, tài liệu hướng dẫn, phương thức hỗ trợ và cơ chế phối hợp giữa chính quyền cơ sở với các tổ chức chính trị - xã hội, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp và lực lượng cộng đồng.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, phường; MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội	2026 - 2030; triển khai hằng năm	100% xã, phường duy trì Tổ chuyên đổi số cộng đồng; theo dõi số thành viên được tập huấn, số lượt người dân/hộ gia đình được hỗ trợ, mức độ hài lòng tại cơ sở.	Tài liệu hướng dẫn, kế hoạch tập huấn, báo cáo kết quả	
64 A	-	Gắn hoạt động của Tổ chuyên đổi số cộng đồng với Phong trào Bình dân học vụ số; phát triển phong trào “Gia đình số”, các mô hình “Chợ số - Nông thôn số”, mô hình “Làng số”, mô hình “Mỗi công dân - Một	UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an Thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính	2026 - 2030; triển khai hằng năm, trọng	Hình thành và phát triển các mô hình cộng đồng số tại cơ sở; tăng số xã/phường triển khai Tổ chuyên đổi số cộng đồng hiệu quả; tăng số người dân được hỗ trợ sử dụng	Mô hình thí điểm/nhân rộng, tài liệu hướng dẫn triển khai nhân rộng, báo cáo kết quả	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		danh tính số”, điểm hỗ trợ kỹ năng số cộng đồng, điểm hỗ trợ dịch vụ công số và thanh toán số tại cơ sở; ưu tiên khu vực ngoại thành, làng nghề, chợ dân sinh, khu dân cư đông người và địa bàn có mức độ sẵn sàng số thấp.		công Thành phố; Sở Y tế; Sở Công Thương; MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp viễn thông	tâm 2026 - 2027, nhân rộng 2028 - 2030	dịch vụ số thiết yếu (dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, chữ ký số, thanh toán số, sổ sức khỏe điện tử, iHanoi); chỉ tiêu cụ thể xác định theo kế hoạch hằng năm		
65 A	-	Thí điểm, triển khai mô hình “Trạm Công dân số” trên địa bàn Thành phố nhằm hỗ trợ trực tiếp người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, sổ sức khỏe điện tử, giao thông số, các nền tảng số của Thành phố và kỹ năng số cơ bản; tăng cường hỗ trợ phòng, chống lừa đảo trên môi trường số. Tại các “Trạm Công dân số”, thí điểm có kiểm soát hệ thống cấp bản sao số tự động có giá trị sử dụng thay thế bản sao chứng thực theo quy định pháp luật và mô hình thử nghiệm được cấp có thẩm quyền cho phép.	Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an Thành phố; các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường; doanh nghiệp công nghệ số; doanh nghiệp viễn thông	2026 - 2030; thí điểm 2026 - 2027, nhân rộng 2028 - 2030	Tăng số mô hình cộng đồng số, Trạm Công dân số, điểm hỗ trợ dịch vụ công số, thanh toán số được thí điểm/nhân rộng; số lượt người dân được hỗ trợ, tỷ lệ giao dịch số thành công và mức độ hài lòng được theo dõi.	Mô hình thí điểm/nhân rộng; Trạm công dân số; điểm hỗ trợ dịch vụ số tại cơ sở; quy trình hướng dẫn; báo cáo kết quả	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	3	Thu hẹp khoảng cách số và khoảng cách AI giữa các nhóm dân cư						
66	-	Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ phù hợp để thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm dân cư, bảo đảm mọi người dân đều có điều kiện tiếp cận, sử dụng dịch vụ số và thích ứng với môi trường số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, UBND xã, phường, các tổ chức đoàn thể	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số chương trình hỗ trợ nhóm có mức độ sẵn sàng số thấp; theo dõi số lượt người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ yếu thế, lao động phi chính thức, nông dân, tiểu thương, học sinh, sinh viên được hỗ trợ.	Chương trình hỗ trợ, báo cáo kết quả	
67	-	Hỗ trợ tiếp cận thiết bị thông minh với giá rẻ, kết nối internet, kỹ năng số cơ bản, kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, chữ ký số, thanh toán số, tương tác số và tiếp cận các nền tảng số dùng chung của Thành phố cho các nhóm có mức độ sẵn sàng số thấp.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, phường; các tổ chức chính trị - xã hội; doanh nghiệp viễn thông; doanh nghiệp cung cấp thiết bị thông minh; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số người dân thuộc nhóm sẵn sàng số thấp được hỗ trợ tiếp cận thiết bị, internet, kỹ năng số cơ bản, dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, chữ ký số, thanh toán số.	Kế hoạch hỗ trợ, mô hình hỗ trợ tại cơ sở	
68	-	Từng bước phổ cập kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, phù hợp với từng nhóm đối tượng; gắn nội dung này với hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng,	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND xã, phường, các đoàn thể	2026 - 2030; thí điểm 2026 - 2028, nhân	Tăng số học liệu, chương trình tập huấn, lượt người dân được hướng dẫn sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm; theo dõi mức độ	Học liệu, chương trình tập huấn, báo cáo kết quả	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		Phong trào Bình dân học vụ số và các chương trình phổ cập kỹ năng số cho nhóm đặc thù.			rộng 2028 - 2030	sử dụng thực tế sau tập huấn.		
	4	Phát triển dịch vụ xã hội số thiết yếu phục vụ người dân						
69 B	-	Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ số trong giáo dục, y tế, an sinh xã hội, việc làm, phản ánh hiện trường, thông tin quy hoạch, thanh toán số, định danh số, chữ ký số và dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Các Sở, ban, ngành thực hiện theo chức năng nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Tăng số dịch vụ xã hội số thiết yếu được cung cấp, liên thông; theo dõi số giao dịch số, tỷ lệ hồ sơ/giao dịch trực tuyến thành công, mức độ hài lòng của người dân.	Các nền tảng, dịch vụ số, báo cáo kết quả	
70 B	-	Gắn phát triển dịch vụ xã hội số với các nền tảng số dùng chung của Thành phố như iHanoi, VNeID và các hệ thống chuyên ngành để người dân có thể thực hiện giao dịch số thuận tiện, liên thông và không phụ thuộc địa giới hành chính.	Các Sở, ban, ngành thực hiện theo chức năng nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Tăng số dịch vụ, hệ thống chuyên ngành được tích hợp, khai thác qua iHanoi, VNeID và nền tảng số dùng chung; theo dõi số người dùng, số giao dịch phát sinh.	Kế hoạch tích hợp, báo cáo vận hành và khai thác	
	5	Phát triển giáo dục số, học tập số và nâng cấp kỹ năng số cho lực lượng lao động						
71 B	-	Hoàn thiện học liệu số, kho học liệu dùng chung, nền tảng học tập số, quản trị trường học số, học bạ số, mã định danh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ sở giáo dục	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Tăng số học liệu số, kho học liệu, nền tảng học tập, học bạ số, mã định danh học tập, trường học số, lớp học thông minh/lớp	Nền tảng, học liệu số, báo cáo kết quả	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		học tập, trường học số, lớp học thông minh, lớp học mở và lớp học hỗn hợp.				học hỗn hợp được triển khai, sử dụng.		
72	-	Đẩy mạnh giáo dục kỹ năng số, STEM/STEAM, kỹ năng dữ liệu, kỹ năng trí tuệ nhân tạo trong nhà trường; tăng cường đào tạo lại, đào tạo nâng cấp và bồi dưỡng kỹ năng số cho người lao động.	Sở Giáo dục và Đào tạo; các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số học sinh, sinh viên, người lao động được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, STEM/STEAM, kỹ năng dữ liệu, kỹ năng AI; chỉ tiêu cụ thể xác định tại kế hoạch hằng năm.	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng, báo cáo kết quả	
	6	Phát triển y tế số, chăm sóc sức khỏe số và an sinh số						
73 A	-	Chuẩn hóa, kết nối và khai thác hiệu quả hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử, dữ liệu bảo hiểm y tế, dữ liệu an toàn thực phẩm và các nền tảng số dùng chung của ngành y tế.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ, Bảo hiểm xã hội, Công an Thành phố Hà Nội	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Tăng tỷ lệ người dân có hồ sơ/sổ sức khỏe điện tử; số bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử, dữ liệu bảo hiểm y tế, dữ liệu an toàn thực phẩm được kết nối, khai thác.	Cơ sở dữ liệu, nền tảng y tế số, báo cáo kết quả	
74 B	-	Mở rộng đăng ký khám trực tuyến, khám chữa bệnh bằng CCCD/VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích y tế số trên nền tảng số của Thành phố; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán, điều trị, điều hành bệnh viện, quản lý dịch	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an Thành phố Hà Nội, các cơ sở y tế	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số lượt đăng ký khám trực tuyến, khám chữa bệnh bằng CCCD/VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt; tăng số tiện ích y tế số, mô hình bệnh viện thông minh, ứng dụng AI trong y tế.	Dịch vụ y tế số, mô hình bệnh viện thông minh, báo cáo kết quả	

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
		tế, chăm sóc sức khỏe học đường, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.						
	7	Phát triển văn hóa số, đời sống số và không gian số lành mạnh						
75	-	Đẩy mạnh số hóa di sản, bảo tàng, không gian văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, làng nghề, phố nghề và các sản phẩm văn hóa đặc trưng; phát triển sản phẩm văn hóa số, nền tảng sáng tạo nội dung số tích cực, truyền thông số lành mạnh và các hình thức trải nghiệm văn hóa ứng dụng công nghệ.	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Du lịch, UBND xã, phường	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số di sản, bảo tàng, không gian văn hóa, làng nghề, phố nghề, sản phẩm văn hóa đặc trưng được số hóa; số sản phẩm văn hóa số, trải nghiệm văn hóa số được triển khai.	Cơ sở dữ liệu, sản phẩm văn hóa số, báo cáo kết quả	
76	-	Tăng cường giáo dục văn hóa ứng xử số, đạo đức số, trách nhiệm số, kỹ năng tự bảo vệ và khả năng thích ứng của người dân trên môi trường mạng; chủ động phòng ngừa, hạn chế thông tin xấu độc và tác động tiêu cực của công nghệ đối với đời sống xã hội.	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Nội, UBND xã, phường	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số chương trình truyền thông, tài liệu hướng dẫn, lượt người dân được tuyên truyền về văn hóa ứng xử số, đạo đức số, trách nhiệm số, kỹ năng tự bảo vệ trên môi trường mạng.	Chương trình truyền thông, tài liệu hướng dẫn, báo cáo kết quả	
	8	Bảo vệ người dân trên môi trường số và xây dựng niềm tin xã hội số						

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
77 B	-	Tăng cường truyền thông, hướng dẫn, cảnh báo và hỗ trợ người dân nhận diện, phòng tránh các rủi ro trên môi trường số như lừa đảo số, giả mạo, xâm phạm dữ liệu cá nhân, thông tin sai lệch, lệ thuộc nền tảng và các nguy cơ mới do trí tuệ nhân tạo mang lại.	Công an Thành phố Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao, Cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Nội, UBND xã, phường	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số cảnh báo, tài liệu, chương trình truyền thông, lượt người dân được hướng dẫn phòng tránh lừa đảo số, giả mạo, xâm phạm dữ liệu cá nhân, thông tin sai lệch và rủi ro do AI.	Tài liệu truyền thông, chương trình cảnh báo, báo cáo kết quả	
78	-	Ưu tiên bảo vệ các nhóm yếu thế, người cao tuổi, trẻ em, học sinh, sinh viên và người dân có mức độ sẵn sàng số thấp; phát triển các công cụ hỗ trợ kiểm chứng thông tin, kênh tiếp nhận phản ánh, cơ chế hỗ trợ và bảo vệ người dân trên môi trường số.	Công an Thành phố Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND xã, phường	2026 - 2030; thí điểm 2026 - 2028, nhân rộng 2028 - 2030	Tăng số công cụ hỗ trợ kiểm chứng thông tin, kênh tiếp nhận phản ánh, cơ chế hỗ trợ nhóm yếu thế; theo dõi số phản ánh, yêu cầu hỗ trợ được tiếp nhận, xử lý.	Công cụ hỗ trợ, kênh phản ánh, báo cáo kết quả	
79	-	Gắn bảo vệ người dân với yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn số, niềm tin số và trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức trong cung cấp, vận hành dịch vụ số và nền tảng số.	Công an Thành phố Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành	2026 - 2030; triển khai hằng năm	Tăng số hướng dẫn, cơ chế giám sát, báo cáo đánh giá về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn số, trách nhiệm giải trình trong cung cấp, vận hành dịch vụ số, nền tảng số.	Cơ chế giám sát, báo cáo đánh giá, hướng dẫn thực hiện	
	9	Nâng cao năng lực quản trị xã hội trên môi trường số						

Stt Mức ưu tiên	Mục	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được (định lượng)	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
80 B	-	Phát triển các công cụ quản trị, theo dõi, đánh giá và phản hồi trên môi trường số; xây dựng cơ chế đánh giá định kỳ về mức độ bao trùm số, an toàn số, mức độ hài lòng và chất lượng thụ hưởng của người dân đối với các dịch vụ số thiết yếu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	2026 - 2030; trọng tâm 2026 - 2028	Công cụ quản trị, theo dõi, đánh giá, phản hồi được phát triển; định kỳ đo mức độ bao trùm số, an toàn số, mức độ hài lòng, chất lượng thụ hưởng dịch vụ số thiết yếu.	Công cụ quản trị, bộ chỉ số, báo cáo đánh giá	
81	-	Gắn kết quả đánh giá với hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền, trách nhiệm người đứng đầu và nhiệm vụ xây dựng xã hội số của Thành phố; kịp thời phát hiện, xử lý khó khăn, vướng mắc và nhân rộng mô hình hiệu quả.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường	2026 - 2030; đánh giá định kỳ hằng năm	Kết quả đánh giá được sử dụng trong điều hành, xác định trách nhiệm người đứng đầu; số khó khăn, vướng mắc được phát hiện, xử lý; số mô hình hiệu quả được nhân rộng.	Công cụ quản trị, bộ chỉ số, báo cáo đánh giá	

Ghi chú: Mức ưu tiên triển khai ngay trong năm 2026 là A; Mức ưu tiên triển khai trong giai đoạn tiếp theo từ năm 2027 - 2030 là B.